



Quốc Văn Giáo Khoa Thư - Lớp Sơ Đẳng

Danh mục sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư - Lớp Sơ Đẳng

01. Đi học phải đúng giờ.
02. Ai ơi chớ vội khoe mình.
03. Lòng thảo hiểm có.

04. Lòng kính yêu chị.
05. Lời khuyên con.
06. Anh nói khoác.
07. Cái lưỡi.
08. Thương người như thể thương thân.
09. Người Pháp ở Đông dương.
10. Con hồ (chồn) và con gà trống.
11. Người say rượu.
12. Người nghiện thuốc phiện.
13. Công việc nhà nông quanh năm.
14. Công việc nhà nông quanh năm (tiếp theo).
15. Làm con phải cho dễ dạy.
16. Chớ nên ham mê cờ bạc.
17. Kính (gương) đeo mắt.
18. Có học phải có hạnh.
19. Ăn chơi và buôn bán quanh năm.
20. Người đi đường với con chó.
21. Không nên hành hạ loài vật.
22. Không nên phá tổ chim.
23. Một người anh tốt.
24. Không nên báo thù.
25. Đạo băng hũu phải cho có thủy chung.
26. Lính thú đời xưa. (Lúc ra đi)
27. Lính thú đời xưa (Lúc đóng đồn)
28. Không tham của người.
29. Không vì tiền mà làm điều phi nghĩa.
30. Quả bứa.
31. Bảo cử là gì?
32. Thơ cái nón.
33. Con hổ và con chuột nhắt (lắt).
34. Ông Chu Văn An.
35. Một người khoan hòa và thuận hậu.
36. Cái thú nhà quê và cái thú kẻ chợ.
37. Kẻ ở người đi.
38. Không nên khinh những nghề lao碌.
39. Rắn đầu biếng nhác học.
40. Thư từ.
41. Chuyện người thợ đá có lương tâm.
42. Chuyện anh em họ Điền.
43. Chuyện anh em họ Điền (tiếp theo).
44. Sự lợi ích của xe lửa.
45. Nhà ga.
46. Con ngựa khôn ngoan.
47. Răn kẻ tham.
48. Khuyên về làm ruộng.
49. Có chí thì nên.

50. Một ông quan thanh liêm.
51. Thơ con mèo.
52. Con chó và miếng thịt.
53. Đức Khổng Tử.
54. Ông Mạnh Tử.
55. Vì nhớ mà buồn.
56. Con rùa và con chuột.
57. Vào hè.
58. Con mèo và con chuột.
59. Mùa thu ngồi câu cá.
60. Mỹ thuật.
61. Buôn bán phải thật thà.
62. Hai anh em.
63. Ông Tô Hiến Thành.
64. Thơ thằng mõ (anh seo, râu).
65. Thơ cái chổi.
66. Đòi người.
67. Ông Nguyễn Văn Hiếu.
68. Đi chợ tính tiền.
69. Chuyện Lưu Bình Dương Lễ.
70. Chí làm trai.
71. Cần phải giữ tính hạnh của mình.
72. Thác Khône.
73. Xứ Cao Mên.
74. Xứ Cao Mên (bài nói).
75. Thành Nam Vang.
76. Huế.
77. Tể Nam giao.
78. Hồ Hoàn Kiếm.
79. Sài Gòn.
80. Chợ Lớn.
81. Cách giao thông.
82. Một tấm lòng từ thiện.
83. Một tấm lòng từ thiện (tiếp theo).
84. Cách sửa mình.

Ghi chú:

Trong sách này, những tiếng đứng giữa ngoặc đơn, hay (), là tiếng Trung kỳ của tiếng Bắc kỳ đứng trước; những tiếng có số ở dưới bài là tiếng Nam kỳ của tiếng Bắc kỳ có số viết lên trên (superscript) tương ứng.

Ví dụ 1: này (này); (này): tiếng “này”, đứng giữa ngoặc đơn (), là tiếng Trung kỳ của “này”, tiếng Bắc kỳ.

Ví dụ 2: xin xem câu “Thôi, hãi [hãy] *hươn*⁽¹⁾, đừng đi, anh ạ.” trong bài “1. ĐI HỌC PHẢI ĐÚNG GIỜ” dưới đây và tiếng có số “(1) hươn”, bên dưới bài (nhưng không nằm trong phần giải nghĩa). Ở đây với “(1) hươn” có nghĩa là “hươn” là tiếng Nam kỳ của “*hươn*”⁽¹⁾, tiếng Bắc kỳ với số viết lên trên ở đây là (1). Nói cách khác, “*hươn*” là tiếng

Bắc kỳ và “hưỡn” là tiếng Nam kỳ có cùng một ý nghĩa. Xin xem chú cước ở cuối bài TIÊU DẪN trong QVGKT - Lớp Đồng Ấu.

Trong bản đánh máy này, những từ đứng giữa dấu ngoặc ôm, hay square brackets [], là từ dùng trong ấn bản 1948 QVGKT-Lớp Sơ Đẳng của nhà NXB Văn Học (xin gọi tắt là QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học) in lại vào năm 2011, tài liệu tham khảo (1) trong post #1, và từ đứng trước dấu ngoặc ôm [] có nét gạch dưới (underline) là từ dùng trong ấn bản (không rõ năm, 1939 hay 1941 (?), xin xem post #54) QVGKT-Lớp Sơ Đẳng tôi mượn ở thư viện (xin gọi tắt là QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện), tài liệu tham khảo (4) trong post #1, đã được post ở trên và bản đánh máy sẽ được post sau đây.

Ví dụ: hãi [hãy], hồ [chôn] trong đó *hãi*, *hồ* là các từ dùng trong ấn bản QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện và *hãy*, *chôn* là các từ dùng trong ấn bản QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học.

Cũng xin lưu ý là QVGKT-Lớp Sơ Đẳng, ấn bản năm 1948, do website của [Hội Thân Hữu Gò Công-Hoa Thịnh Đôn đăng](#) (xin gọi tắt là QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công), có những chỗ khác với bản in của QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học, tuy QVGKT-Lớp Sơ Đẳng của NXB Văn Học cũng ghi là in theo ấn bản 1948! Nếu ở đâu trong bản in của QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công khác với bản in của QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học, bản đánh máy sẽ có chú thích (được đánh dấu với *) để lưu ý độc giả.

Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản in của QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện và QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công hay QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học, xin độc giả click vào các tên sách có màu xanh nhạt bên dưới bài học để có thể so sánh. Khi có sự khác biệt trong chú thích của các hình minh họa, xin độc giả click vào các chữ chú thích khác biệt để so sánh.

Ngoài ra với các từ ghép, ấn bản QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện hay dùng dấu nối, hay hyphen (-), giữa các từ này. Ví dụ: hớn-hở, vội-vàng trong ấn bản QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện. Ngày nay ít ai dùng dấu nối (-) giữa các từ ghép, trừ các từ phiên âm từ các tiếng nước ngoài, như bu-gi, ki-lo-gam (do các từ bougie, kilogramme của Pháp). Trong bản đánh máy này, các từ ghép sẽ không dùng các dấu nối (-), khác với các từ ghép trong nguyên bản QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện.

Cuối cùng, trong bản đánh máy này, không có phần bài tập cuối mỗi bài như trong nguyên bản.

(Ghi chú của TV).

1. ĐI HỌC PHẢI ĐÚNG GIỜ

Xuân đi học coi người *hớn hở*,
Gặp câu Thu đi ở giữa đàng,
Hỏi rằng: "Sao đã vội vàng,
Trống chưa nghe đánh, đến tràng làm chi?
Thôi, hãi [hãy] *hướm*⁽¹⁾, đừng đi, anh ạ.
Này *con khăng* tôi đã sẵn rồi.
Cùng nhau ta hãy đánh chơi.
Lát rồi ta sẽ tới nơi cũng vừa."
- Thu đáp lại: "Dầu giờ còn sớm,
Cũng nên đi, kéo chậm làm sao?
Nêu chờ khi đánh trống vào,

Dầu ta *rảo bước* tài nào kịp cho.
Trễ giờ ta phải nên lo."

(1) hưỡn.

Chú thích *hãi* [hãy] = Xin click vào tên các sách có màu xanh nhạt dưới đây để có thể so sánh:

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).
[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

Giải nghĩa:

Hón hờ = người nom có dáng vui vẻ.

Hãy hượm = thông thả, đừng đi vội.

Con khăng = con khăng thường làm bằng hai miếng tre hay gỗ, vót tròn, một miếng dài, một miếng ngắn.

Rảo bước = đi mau chân.

2. AI ƠI, CHỚ VỘI KHOE MÌNH

Con bướm bướm kia, cánh vàng rực rỡ, lại có những đốm đen, đốm đỏ, trông rõ thật đẹp. Một hôm, bay *nhón nhơ* trên bụi cây ở vệ đường. Hết ngành⁽¹⁾ nọ, sang ngành⁽¹⁾ kia, *thảnh thơi* vui thú. Tưởng mình đã đẹp, thì ai chẳng kính yêu. Ngờ đâu có ba anh học trò đi học về, bỗng trông thấy bướm kia đang bay ở bụi cây trước mặt, vội vàng, anh thì lấy nón úp, anh thì lấy sách đập, xô đẩy nhau đuổi bắt cho được.

Con bướm bướm đã vào tay lũ trẻ, thôi thì hết anh này lòi cánh, lại đến anh kia kéo chân, thật là *rã rời toi tả*, chẳng được bao lâu mà *quá*[hóa] ra từng mảnh. Ấy cũng vì con bướm bướm có cái sắc đẹp, mà phải những cái tai hại *thảm thiết* như thế. Thật đáng thương thay!

(1) nhành.

Chú thích *quá* [hóa]= Xin click vào tên các sách có màu xanh nhạt dưới đây để có thể so sánh:

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).
[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

Giải nghĩa:

Nhón nhơ = nhí nhảnh, làm bộ làm dáng.

Thảnh thơi = nhàn hạ phong lưu, không có bận bịu điều gì.

Rã rời toi tả = tan nát ra.

Thảm thiết = khôn nạn, đáng thương xót.

3. LÒNG THẢO HIỂM CÓ

Mẫn tử Khiêm, mẹ mất sớm, bị người dì ghẻ ác nghiệt, xử *tàn nhẫn* lắm. Mùa rét chỉ cho Mẫn tử mặc một manh áo mỏng, còn hai con riêng mình, thì cho mặc áo bông, *áo mền* tử tế.

Một hôm, người cha sai Mẫn tử đi đẩy xe, Mẫn tử rét quá, lập cập vấp ngã. Cha quả mắng, Mẫn tử cũng không nói gì. Sau cha biết người dì ghẻ để cho Mẫn tử phải chịu đói

rét, và thường khi lại còn hành hạ khổ sở, thì muốn đuổi ngay đi. Mẫn tử biết ý, *can* cha rằng: "Dì con mà còn ở lại, thì chỉ có một mình con chịu đói rét mà thôi, chớ đi con mà không ở đây nữa, thì ba anh em chúng con đều bị đói rét cả." Người cha nghe nói, cho là phải, và người dì ghẻ thấy Mẫn tử hiếu lễ như thế, lấy làm *cảm động*, từ đó cư xử với Mẫn tử rất là tử tế.

Giải nghĩa:

Tàn nhẫn = làm cho người ta đau đớn, khổ sở.

Áo mền = áo lót có làn dựng ở giữa.

Can = ngăn không để ai làm một việc gì.

Cảm động = thấy việc gì ở ngoài mà động đến trong lòng.

4. LÒNG KÍNH YÊU CHỊ

Ông Lý Tích làm quan to đời xưa. Ông đã già mà vẫn yêu kính chị một cách khác thường. Một hôm, bà chị ốm⁽¹⁾, ông *thân hành* đi nấu cháo cho chị ăn, chẳng may gió quạt ngọn lửa cháy cả râu. Bà chị nói rằng; "Nhà thiếu gì đầy tớ mà em lại *khổ thân* như vậy?" - Ông đáp lại rằng: "Nay chị đã già, mà em cũng già rồi, dầu em muốn nấu cháo cho chị ăn mãi, phỏng đã dễ mà được hay sao?"

Một người như ông Lý Tích, làm quan *quyền quý* bao nhiêu mà yêu chị như thế, thật đáng khen thay!

Ôi! Anh em chị em là cùng một cha mẹ sinh ra, ở với nhau từ thuở nhỏ dại cho đến khi khôn lớn, dạy bảo nhau, bênh vực nhau, lúc vui cười, lúc buồn bực, bao giờ cũng có nhau, thì cái tình *thân ái* biết bao giờ cho phai nhạt đi được!

(1) đau.

Giải nghĩa:

Thân hành = Tự mình đi làm lấy.

Khổ thân = để thân mình phải chịu điều khổ.

Quyền quý = có quyền tước sang trọng.

Thân ái = yêu mến thân thiết.

5. LỜI KHUYÊN CON

(Ca dao) - Bài học thuộc lòng.

Con ơi, muốn nên thân người,
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha.
Gái thì giữ việc trong nhà,
Khi vào *canh cử*, khi ra thêu thùa.
Trai thì đọc sách, ngâm thơ,
Dùi mài kinh sử để chờ *kịp khoa*.
Mai sau nói được nghiệp nhà,
Trước là đẹp mặt, sau là âm thân.

Ghi chú dưới hình minh họa: xin click vào các chữ có màu xanh nhạt để có thể so sánh [Trai đọc sách](#). [Gái thêu thùa](#) [[Gái thêu thùa](#)]

Giải nghĩa:

Canh cửi = dệt tơ, dệt vải.

Dùi mài = chăm chỉ học hành.

Kinh sử = sách vở học để đi thi.

Kịp khoa = đây là kịp khoa thi.

6. ANH NÓI KHOÁC

Tí và Sửu đi qua một đám ruộng bí. Tí chợt trông thấy quả⁽¹⁾ bí to, nói rằng: "Chà! Quả bí đâu mà to như thế kia!" Sửu có tính hay *nói khoác*, cười mà bảo rằng: "Thế đã lấy gì làm to. Tôi đã từng thấy những quả bí to hơn nhiều. Có một bận, thật mắt tôi trông thấy một quả bí to bằng cả một cái nhà ở trước mặt ta kia kia. - Tí nói: "Thế đã lấy gì làm lạ. Tôi còn nhớ một bận tôi trông thấy cái *xanh* đồng to vừa bằng cả cái đình làng ta ấy". - Sửu hỏi: "Cái xanh ấy dùng để làm gì mà to quá như thế?" - "À, thế bác không biết à. Cái xanh ấy dùng để luộc quả bí của bác vừa nói ấy mà."

S Sửu biết Tí chế nhạo mình, mới nói lảng ra chuyện khác.

Nói điều gì phải cho đúng với sự thật, chớ nên bịa đặt ra mà người ta chê cười.

(1) trái.

Giải nghĩa:

Nói khoác = nói quá sự thật.

Xanh = đồ bằng đồng dùng để đun nấu, có hai quai, và khác với cái chảo, vì nó bằng tròn.

7. CÁI LƯỠI

Một hôm, người chủ bảo người đầy tớ rằng: "Mày ra bắt con lợn⁽¹⁾ đem làm thịt, và xem cái gì ngon hơn cả thì đem về đây cho tao".

Tên đầy tớ vâng lời, bắt lợn⁽¹⁾ giết và lấy cái lưỡi đem vào hầu chủ.

Mấy hôm sau, người chủ muốn *thử* tên đầy tớ, lại bảo nó đi làm thịt con lợn⁽¹⁾ khác và dặn rằng: "Xem cái gì không ngon hơn cả thì đem vào".

Tên đầy tớ làm lợn⁽¹⁾ xong, lại đem cái lưỡi vào cho chủ.

Người chủ hỏi: "Thằng này *láo*! Sao lần này mày lại đem cái lưỡi vào cho ta như lần trước?"

- "Thưa ông, cũng một cái lưỡi, khi tử tế ra thì không có gì tốt cho bằng, nhưng khi độc ác, thì lại không có gì xấu bằng".

(1) heo.

Đại ý:

Bài này là bài ngụ ngôn nói cũng một cái lưỡi, lúc nói hay thì thật hay, mà lúc dở thì thật dở.

Giải nghĩa:

Thử = đây là để xem ý thằng đầy tớ thế nào.

Láo = lời mắng; đây là làm không theo ý chủ.

8. THƯƠNG NGƯỜI NHƯ THỂ THƯƠNG THÂN

Thấy người *hoạn nạn* thì thương,
Thấy người tàn tật lại càng trông nom⁽¹⁾.
Thấy người già yếu ốm mòn,
Thuốc thang cứu giúp, cháo cơm đỡ dần.
Trời nào *phụ* kẻ *có nhân*,
Người mà *có đức*, muôn phần *vinh hoa*.
Nguyễn Trãi gia huấn.

(1) Cõi sóc.

Đại ý:

Trong bài nói phải thương hết cả mọi người cùng khổ, hoạn nạn, như người tàn tật, người già cả, người ốm yếu. Làm điều hay thì gặp hay, dù không nữa, thì trong bụng cũng được hả hê.

Giải nghĩa:

Hoạn nạn = những điều sảy đến làm cho lo lắng khổ sở.

Phụ = quên ơn, bội nghĩa.

Có nhân = có lòng thương yêu mọi người.

Có đức = có bụng tốt, ăn ở tử tế với mọi người.

Vinh hoa = sang trọng, sung sướng.

9. NGƯỜI PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG.

(Bài này không có trong Tuyển Tập QVGKT của nhà NXB Văn Học, ấn bản 2011.)

Kể số người Âu châu sang ở Đông dương thì người Pháp⁽¹⁾ nhiều hơn cả. Mà từ khi người Pháp sang cai trị, thì xứ ta được yên ổn, các dân tộc trong xứ đều *đề huê* mà làm ăn.

Người Pháp lo mở mang mọi việc ích lợi, như: làm đường sá, đào sông ngòi, để cho sự giao thông và việc canh nông được tiện lợi, mở trường học khắp mọi nơi để cho con trẻ học tập. Lại khai các mỏ, lập các công nghệ làm cho việc *lý tài* trong xứ được thịnh⁽²⁾ lợi hơn trước. Các thành thị càng ngày càng nhiều ra và *trù phú* thịnh vượng lên.

Nhà nước lại đặt ra *cuộc y tế*, làm nhà thương, *nhà đê*, để *điều trị* các bệnh tật, cứu giúp những kẻ ốm đau. Ấy cũng nhờ người Pháp hết lòng sửa sang mọi việc, cho nên xứ ta mới được như ngày nay.

(1) Lang sa. - (2) thịnh.

Giải nghĩa:

Đề huê = dặt dứ nhau.

Lý tài = cách làm cho giàu có, thịnh vượng.

Trù phú = đông đúc giàu có.

Cuộc y tế = cuộc cho thuốc chữa bệnh cho những kẻ nghèo khổ.

Nhà đê = nhà đắp cho các đàn bà đến đắp.

Điều trị = chữa bệnh.

10. CON HỒ (CHỒN) [CHỒN] VÀ CON GÀ TRỒNG

Một hôm, con hồ [chòn] gặp con gà trống ở bụi tre. Gà sợ, kêu rối rít⁽¹⁾. Hồ [Chòn] cũng sợ chủ nhà họ bắt được, thì họ đập chết. Hồ[Chòn] bèn lấy lời ngon ngọt dỗ gà rằng: "Sao bác lại gât gông⁽²⁾ như vậy? Tôi với bác là họ hàng bà con với nhau cả đấy mà." Gà thấy hồ[chòn] nói dễ nghe, cất tiếng gáy vui vẻ lắm. Hồ [Chòn] khen nức nở: "Ôi chào! Bác gáy sao mà hay như thế! Song tôi còn nhớ ngày xưa ông nhà ta gáy còn hay hơn mấy, vì lúc cụ gáy cụ cứ nhắm mắt lại." Gà lại gáy, nhưng vẫn còn ngờ vực, chỉ nhắm có một mắt mà thôi. Hồ[Chòn] ở dưới làm như *gõ nhịp*, vừa cười vừa nói: "Ôi chào ôi hay! Hay quá! Nhưng nếu bác nhắm cả hai mắt lại mà gáy, thì tôi chắc bao nhiêu gà ở xung quanh đây nghe tiếng chỉ những nỗi con ghen lên mà chết!" Gà đắc ý, *nhắm tít* cả hai mắt lại, định gáy cho thật hay, nhưng vừa há mỏ, hồ [chòn] đã nhảy chồm lên cắn cổ mà tha về tổ để ăn thịt.

Ôi! *Mật ngọt chết ruồi!* Hay ưa nịnh hót có khi hại đến thân.

(1) chú chít. – (2) rầy rà.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

Ghi chú dưới hình minh họa: [Con gà và con hồ](#) []; ([] = [không thấy có ghi chú](#). TV)

Giải nghĩa:

Hồ[Chòn] = giống vật mõm dài và nhọn, tai to, đuôi dài, hay bắt gà và chim, ta thường gọi là cáo, nhưng không được đúng vì cáo thuộc về loài mèo.

Gõ nhịp = đánh cái gì để cùng họa theo vào tiếng đàn, tiếng hát.

Nhắm tít = nhắm kín mắt lại, hai mi mắt như dính liền với nhau.

Mật ngọt chết ruồi = câu tục ngữ, *ngheia đen*: con ruồi thấy mật ngọt, ham ăn mà chết; *ngheia bóng*: người ta vì ưa lời nịnh mà hại đến thân.

11. NGƯỜI SAY RƯỢU

Các anh hãy trông người kia đi ngoài đường. Mặt đỏ gay, mắt lơ đãng, quần áo *xóc xếch*⁽¹⁾, chân đi xiêu bên nọ, vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm, chốc lại ngã chúi một cái. Lũ trẻ đi theo sau, reo cười chế nhạo. Thỉnh thoảng anh lại đứng lại, nói những chuyện gì ở đâu đâu. Người qua lại, ai [] trông thấy cũng phải tránh xa.

Người ấy vừa ở hàng rượu ra. Chỉ tham mấy chén rượu mà thành ra say sưa, mất cả *tư cách* con người, có khi như là con vật vậy, thật là đáng khinh bỉ.

Hỡi các anh, các anh đã trông thấy người say rượu như thế, thì nên lấy đó làm gương mà giữ mình.

(1) xệch xạc.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) có hình minh họa với ghi chú "[Người say rượu](#)." []; ([] = [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công không thấy có hình minh họa](#). TV)

Giải nghĩa:

Xóc xếch = không được gọn gàng.

Tư cách = phẩm giá.

12. NGƯỜI NGHIỆN THUỐC PHIỆN

Trông thấy Chánh Còm, ai cũng biết là người nghiện⁽¹⁾. Trước kia [khi], thầy là người béo tốt *phương phi*, tinh nhanh⁽²⁾ khôn khéo, mà bây giờ thì mặt bủng da chì, xo vai rụt cổ, giọng nói khàn khàn, cái môi thâm sịt⁽³⁾, nom người lẻo khoẻo⁽⁴⁾ như cò hương⁽⁵⁾. Thầy mới ăn thuốc phiện mấy năm nay mà đã khác hẳn đi như vậy.

Thầy Chánh Còm từ khi *đa mang* thuốc xái⁽⁶⁾ đến giờ, thành ra lười biếng⁽⁷⁾, chậm trễ. Sáng dậy, ít ra cũng phải mười lăm điều mới mở mắt ra được, và cả ngày quanh quẩn cạnh bàn đèn, chỉ *cái xe* (thoe) cái lọ⁽⁸⁾, ngoài ra không thiết đến việc gì nữa.

Xem thế mới biết thuốc phiện là một thứ thuốc độc rất hại. Nó hại sức khỏe, hại tinh thần. Nó làm mất thì giờ, mất tiền của, có khi mất cả phẩm giá con người nữa. Vậy ta chớ nên hút thuốc phiện.

(1) nghiện. – (2) lanh lợi. – (3) đen sì. – (4) lẻo khoẻo. – (5) cò ma. – (6) từ khi mang lấy bệnh nghiện. – (7) làm biếng. – (8) cái ống cái nôi.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học.

Giải nghĩa:

Phương phi = vạm vỡ, trông ra đáng.

Đa mang = mang lấy, mắc phải.

Cái xe = cái dục tầu.

13. CÔNG VIỆC NHÀ NÔNG QUANH NĂM

(Ca dao) - Bài học thuộc lòng.

Tháng giêng là tháng ăn chơi,
Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà.
Tháng ba thì đậu đã già,
Ta đi ta hái về nhà phơi khô.
Tháng tư đi *tậu* trâu bò,
Để ta sắp sửa làm mùa tháng năm.
Sáng ngày, đem lúa ra *ngâm*,
Bao giờ mọc mầm⁽¹⁾, ta sẽ vớt ra.
Gánh đi ta ném ruộng ta,
Đến khi lên mạ, thì ta nhổ về.
Sắp tiền mượn kẻ cấy thuê,
Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi.
(Còn nữa)

(1) mộng.

Giải nghĩa:

Tậu = mua cái gì để làm của riêng của mình, như tậu nhà, ruộng, v.v....

Ngâm = để lâu dưới nước.

14. CÔNG VIỆC NHÀ NÔNG QUANH NĂM (tiếp theo)

(Ca dao) - Bài học thuộc lòng.

Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng *vơi*⁽¹⁾ mười, còn độ một hai.
Ruộng cao đóng một *gàu giai*,
Ruộng thấp thì phải đóng hai *gàu sòng*.
Chờ cho lúa có *đòng đòng*,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.
Bao giờ cho đến tháng mười,
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.
Gặt hái ta đem về nhà,
Phơi khô, quạt sạch, ấy là xong công.

(1) *lưng*.

Giải nghĩa:

Vơi = không đầy, kém đi, cạn đi.

Gàu giai = một thứ gàu có dây, phải hai người cầm mà tát nước.

Gàu sòng = một thứ gàu buộc vào ba cái cọc, một người tát.

Đòng đòng = hoa lúa còn non, chưa ra khỏi cái màng bọc ở ngoài.

15. LÀM CON PHẢI CHO DỄ DẠY

Làm con mà biết yêu mến cha mẹ, *ân cần* đến cha mẹ thì cha mẹ cũng đã vui lòng lắm rồi. Nhưng muốn cho cha mẹ được vui lòng hơn nữa, thì con phải vâng lời dạy bảo. Ý mình muốn làm gì, mà cha mẹ bảo đừng, mình cũng phải thôi; ý mình không muốn làm, mà cha mẹ bảo làm, mình cũng phải làm. Ta phải biết rằng cha mẹ ngăn cấm điều gì cũng là muốn cho mình được hay. Vậy mình vâng lời cha mẹ, tức là ích lợi cho mình. Cũng ví như ông thầy thuốc bắt người ốm phải kiêng nhịn vật gì, là để chữa cho người ấy mau khỏi.

Những con nhà không chịu nghe lời cha mẹ thường hay hại đến thân. Ta có câu: Cá [cá] không ăn muối cá *ươn*, con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện in khác với QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học.

QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công in giống như QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học.

Giải nghĩa:

Ân cần = săn sóc đến luôn.

Ươn = nặng mùi.

16. CHỚ NÊN HAM MÊ CỜ BẠC

Tính ham mê cờ bạc là một tính rất xấu, nó làm cho người ta phải nhiều sự thiệt hại và mất cả phẩm giá. Ai đã mắc phải tính xấu ấy thì chẳng mấy người tránh khỏi sự nghèo khổ túng bần, rồi sinh ra *gian lận điên đảo*, vì cờ bạc là một cách ăn chơi tổn hại nhiều tiền. Họa là⁽¹⁾ mới có khi được, mà được thì *xa phí* hết ngay, còn khi thua thì nhiều, mà thua mãi thì thành ra công nợ, có khi đến nỗi *vong gia thất thổ*, phải đi ăn mày ăn xin, ăn trộm ăn cắp, làm những điều hèn hạ⁽²⁾ xấu xa.

Đã cờ bạc thì còn danh giá gì! Dầu ông gì bà gì, mà đã ngồi vào đám bạc, thì cũng thành

ra đê tiện. Ai cũng gọi là con bạc⁽³⁾, đồ cờ bạc. Bởi thế cho nên các anh phải giữ gìn, đừng bắt chước những phường cờ bạc, đừng có *tập nhiễm* lấy cái thói xấu ấy.

(1) may. – (2) đê tiện. – (3) bợm bạc.

Giải nghĩa:

Gian lận = giả dối để lừa đảo người ta.

Diên đảo = gian dối, lật lọng.

Xa phí = chi tiêu hoang toàng vô ích.

Vong gia thất thổ = mất nhà mất ruộng.

Tập nhiễm = tập quen, không bỏ được.

17. KÍNH (GƯƠNG) ĐEO MẮT

Có một bác nhà quê dốt nát, thấy một ông cụ già hể khi đọc sách, thì lại đeo kính vào mắt. Bác tưởng rằng đeo kính thì đọc được sách. Một hôm, bác ra tỉnh, vào ngay một hiệu để mua kính.

Bác giở một quyển sách ra, cầm trước mắt để thử kính (gương). Bác thử luôn đến năm bảy thứ kính, mà thứ nào bác cũng chê rằng xấu, không thể xem được sách. *Nhà hàng* lấy làm lạ, hỏi rằng: "Vậy ông có biết đọc không đã?" Người nhà quê gất lên, trả lời rằng: "Ồ hay⁽¹⁾! Nếu tôi mà biết đọc, thì *hà tất* tôi phải đến đây mua kính của bác." Nhà hàng phì cười, bảo rằng: "Đây tôi không có thứ kính nào đọc được sách cả. Ông muốn xem được sách, xin hãy về học quốc ngữ cho *thông* đã."

(1) hay chưa.

Ghi chú dưới hình minh họa: [Người nhà quê thử kính \(gương mắt\)](#). [[Người nhà quê thử đeo kính mắt](#)]

Giải nghĩa:

Nhà hàng = chỉ người bán kính.

Hà tất = sao cần phải thế.

Thông = suốt, đây là nói học cho giỏi đã.

18. CÓ HỌC PHẢI CÓ HẠNH

Sài Thế Viễn, thưở bé đi học, không chuộng nghề văn chương mảy, chỉ *chuyên chú* về đường *tâm tính* tức là khoa *tu thân* luân lý vậy. Có người thấy thế, bảo ông rằng: "Đi học cốt là để cầu cho được văn hay chữ tốt, thi đỗ làm quan, chớ tâm tính học tưởng không cần gì cho lắm". Ông Sài Thế Viễn đáp: "Học hành ai cũng muốn cầu cho giỏi, nhưng học giỏi mà lại giữ được phẩm hạnh mới thật là đáng quý. Có học mà không có *hạnh* cũng chẳng làm gì. Phẩm hạnh tức là danh giá của con người ở đời vậy."

Nhiều người nghe nói, cười ông Sài Thế Viễn là *vu khoát*.

Sau, ông thi đỗ tiến sĩ, làm quan đến bậc thượng thư, nổi tiếng là một người có phẩm hạnh.

Giải nghĩa:

Chuyên chú = để cả tâm chí nghĩ vào một việc gì.

Tâm tính = đây tức là nét ăn ở của người ta.

Tu thân = sửa mình.

Hạnh = cách ăn ở tử tế.

Vu khoát = viên vông, không thiết với sự thật.

19. ĂN CHƠI VÀ BUÔN BÁN QUANH⁽¹⁾ NĂM

(Ca dao) - Bài học thuộc lòng.

Tháng giêng ăn tết ở nhà,
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè.
Tháng tư đong đậu nấu chè,
Ăn tết *Đoan ngọ* trở về tháng năm.
Tháng sáu buôn nhãn *bán trăm*,
Tháng bảy ngày rằm *xá tội vong nhân*.
Tháng tám chơi đèn kéo quân,
Trở về tháng chín *chung chân* buôn hồng.
Tháng mười buôn thóc, bán bông,
Tháng một, tháng chạp nên công hoàn toàn.

(1) suốt.

Giải nghĩa:

Đoan ngọ = tết mùng năm tháng năm.

Bán trăm = buộc thành bó từng trăm một mà bán.

Xá tội vong nhân = xá tội là tha tội; vong nhân là người đã chết rồi. Tục ta tin rằng người ta chết, ai có tội phải giam ở dưới địa ngục, đến ngày rằm tháng bảy thì được tha một hôm.

Chung chân = cũng như chung lưng, nghĩa là góp tiền mà buôn chung với nhau.

20. NGƯỜI ĐI ĐƯỜNG VỚI CON CHÓ

Một người cưỡi ngựa đi đến đầu làng kia, có con chó đang ngủ giữa đường, bỗng giật mình thức dậy, đuổi theo con ngựa, sửa cắn mãi, làm cho con ngựa sợ, chạy *lông* lên. Người cưỡi ngựa tức giận vô cùng, muốn giết ngay con chó, mới bảo rằng: "Tao mà có súng, thì cho mày một *phát* là hết *cẩn*⁽¹⁾. Nhưng mà được, tao đã có cách làm cho mày chết." Nói xong, người kia chạy đến giữa làng, kêu to lên rằng: "Chó dại! Chó dại!" Những người xung quanh đấy, nghe tiếng kêu chó dại, liền vác gậy, vác xẻng ra đuổi đánh chết con chó.

Gớm thay cho lời nói của người ta, có khi giết hại được hơn là đồ *binh khí*!

(1) sửa.

Ghi chú dưới hình minh họa: "Chó dại! Chó dại!" [Người đi đường với con chó]

Giải nghĩa:

Lông = chạy vùng lên.

Phát = mỗi lần bắn ra một viên đạn.

Binh khí = gươm giáo, súng ống.

21. KHÔNG NÊN HÀNH HẠ LOÀI VẬT

Một con bò kéo một cái xe chở hàng hóa rất nặng. Xe lên dốc, con bò cố⁽¹⁾ sức kéo mãi, nhưng cái xe cũng không *xê xích* được chút nào. Người phu xe vội vàng nhảy xuống, lấy tay vỗ về con bò, rồi mồm thì nói năng dịu dàng như *thúc giục*, tay thì *bắt* vào bánh xe, cố⁽¹⁾ đẩy cho xe đi. Một lát, xe lên khỏi dốc, người phu xe để cho con bò đứng nghỉ, và lại đến bên cạnh vuốt ve, ra dáng thương yêu lắm.

Người phu xe ân cần tử tế với con bò như vậy, thật đáng làm gương cho những quân đội ác, hung tợn, cứ hay đánh đập loài vật rất thậm tệ. Loài vật không phải là *vô tri vô giác*, mà lại giúp ta được công kia việc nọ, ta nên trông nom, săn sóc, chớ có *hành hạ* đánh đập nó.

(1) ráng.

Giải nghĩa:

Xê xích = chuyển đi, nhích lại.

Thúc giục = bảo làm việc gì cho mau lên.

Bắt = để tay vào quay bánh xe.

Vô tri vô giác = không biết, không cảm gì cả.

Hành hạ = làm khổ sở.

22. KHÔNG NÊN PHÁ TỔ⁽¹⁾ CHIM

Thằng Sừ thấy ở trên cành cây có một tổ⁽¹⁾ chim chích *chòe* [chòa]*, ba con chim mới nở, thì lấy làm mừng lắm. Nó trèo lên, bắt xuống, để chơi. Chị nó trông thấy, ngăn lại mà bảo nó rằng: "Em ơi! Chớ nên bắt! Chim nó đang sung sướng thế mà em bắt nó, thì nó cực khổ biết là dường nào! Em thử nghĩ chốc nữa, mẹ nó tha mỗi về, mà không thấy con, thì đau đớn thế nào. Và những con chim con ấy mà em bắt về, thì dẫu em chăm chút⁽²⁾ nó thế nào, nếu nó không chết, thì cũng chẳng sao bằng mẹ nó săn sóc, nuôi nấng nó được. Thôi em ơi! Em đừng làm khổ nó vô ích, đem để trả mẹ nó. Sau nó lớn lên, nó bay, nó *lượn*, đẹp mắt em, nó kêu, nó hót, vui tai em, nó ăn sâu, ăn bọ thì hoa quả thóc lúa của nhà ta và của *thiên hạ* được đỡ hại."

Sừ nghe chị nói, lại đem cái tổ⁽¹⁾ chim lên để vào chỗ cũ.

(1) ổ. – (2) săn sóc.

Ghi chú *chòe* [chòa]*:

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#).

Giải nghĩa:

Lượn = bay đi bay lại nhiều lần.

Thiên hạ = cả mọi người.

23. MỘT NGƯỜI ANH TỐT

Ông Thôi Lượng ngày xưa là người rất *hiếu đễ*, cha mẹ mất sớm, ông phải trông nom nuôi nấng⁽¹⁾ các em. Nhà nghèo, ông phải đi viết mướn để kiếm ăn. Bấy giờ có ông Lý Sùng đang làm quan to, có quyền thế, nhiều người đến làm tôi tớ, để mong đường *danh lợi*. Người anh họ ông Thôi Lượng tên là Quang cũng đi theo Lý Sùng.

Một hôm, Quang đến bảo ông Thôi Lượng rằng: "Tôi gì mà cứ viết thuê mãi, đi theo Lý Sùng thì được sung sướng. Và nhà ông ấy lại có nhiều sách, đến đây *tha hồ* mà xem." Ông đáp lại rằng: "Tôi sung sướng lấy một mình, mà để các em tôi ở nhà phải đói rét⁽²⁾ thì sao cho đành. Thà rằng cứ chịu nghèo đói, mà anh em sum họp với nhau còn hơn." Nhất định ông không chịu đi, cứ ngày ngày ra chợ viết thuê để lấy tiền về nuôi em.

(1) săn sóc. – (2) đói lạnh.

Giải nghĩa:

Hiếu đễ = hiếu là lòng thảo ở với cha mẹ; đễ là lòng tử tế với anh em.

Danh lợi = cũng như là công danh phú quý.

Tha hồ = muốn bao nhiêu cũng có, mặc sức.

24. KHÔNG NÊN BÁO THÙ

Một hôm, một người *hào phú* có chuyện lời thối với một người thợ. Đang cơn tức giận, người hào phú lấy hòn đá ném người thợ. Người thợ nhặt⁽¹⁾ hòn đá cất đi một chỗ, nghĩ bụng rằng: "Thế nào cũng có lúc tao lấy hòn đá ném được vào đầu mày". Cách ít lâu, người hào phú chẳng may cửa nhà *sa sút*, tiền của sạch không, phải đi ăn xin. Một hôm, người thợ trông thấy người ấy ăn mặc rách rưới, đi qua trước cửa, vội vàng chạy đi lấy hòn đá, định để ném lại. Nhưng khi tay đã cầm hòn đá, anh ta lại nghĩ rằng: "Người ấy lúc còn giàu sang mà ta báo thù thì là *dại*, bây giờ người ấy khổ sở mà ta báo thù thì là hèn. Thôi, ta không nên báo thù." Rồi quẳng hòn đá xuống ao.

(1) lượm.

Giải nghĩa:

Hào phú = người giàu có và có thần thế.

Sa sút = suy kém.

Dại = đây là có ý nói lúc người hào phú có của, có thế, mà mình báo thù thì tất nó hại được mình.

25. ĐẠO BẰNG HỮU PHẢI CHO CÓ THỦY CHUNG

Ngày xưa ông Dương Tiêu Sơn là bậc trung thần, thấy người Nghiêm Tung chuyên quyền làm bậy, ông bèn dâng sớ *hạch tội*, bị Nghiêm Tung bắt bỏ ngục. Các quan đều sợ hãi, không ai dám vào thăm. Chỉ có ông Từ Từ Dữ ngày ngày đem cho cơm rượu, Dương Tiêu Sơn bảo Từ Từ Dữ rằng: "Anh chớ hay lại thăm tôi, e rồi lại *liên lụy*." Từ Từ Dữ nói rằng: "Bạn hữu với nhau, chỉ quý về lúc này mà thôi. Đạo luân lý của ta cốt trọng về lòng trung nghĩa, mà bây giờ anh bị kẻ gian thần ức hiếp, lẽ nào tôi lại bỏ anh hay sao? Anh cứ để tôi đi lại thăm anh, dầu có làm sao nữa, thì tôi cũng chẳng thiết gì quan chức đâu, xin anh đừng ngại!"

Đáng khen thay ông Từ Từ Dữ biết quên mình mà giữ cho trọn đạo *bằng hữu*!

Giải nghĩa:

Hạch tội = bẻ tội, bắt tội.

Liên lụy = lây vạ đến mình.

Bằng hữu = bè bạn.

26. LÍNH THỨ ĐỜI XƯA (lúc ra đi)

Ca dao - Bài học thuộc lòng.

Ngang lưng thì thắt *bao vàng*,
Đầu đội *nón dẫu*, vai mang súng dài.
Một tay thì cấp *hỏa mai*,
Một tay cấp giáo, quan sai xuống thuyền⁽¹⁾.
Thùng thùng trống đánh *ngũ liên*,
Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa.

(1) ghe.

Giải nghĩa:

Lính thứ = lính đi đóng đồn trên mạn ngược.

Bao vàng = bao bằng vải vàng của lính ngày trước đeo.

Nón dẫu = nón chóp nhỏ của lính đội ngày xưa.

Hỏa mai = ngòi súng. Đời xưa bắn súng nạp tiền phải châm ngòi mới bắn được.

Ngũ liên = trống đánh từng hồi năm tiếng một, để thúc giục người ta đi cho mau.

27. LÍNH THỨ ĐỜI XƯA (lúc đóng đồn)

Ca dao - Bài học thuộc lòng.

Ba năm trấn thủ *lưu đồn*,
Ngày thì canh điếm, tối dồn việc quan.
Chém (đốn) tre, đẵn⁽¹⁾ gỗ trên ngàn,
Hữu thân hữu khổ, phần nà cùng ai.
Miệng ăn măng trúc, măng mai,
Những *dang* cùng nứa, lấy ai bạn cùng.
Nước giếng trong, con cá nó vầy vùng.

(1) chặt.

Giải nghĩa:

Lưu đồn = nơi lính đóng để phòng bị giặc cướp.

Hữu thân hữu khổ = có thân là có khổ, nghĩa là đã làm người, thì ai cũng phải chịu khổ.

Dang = một thứ nứa dài dẹt, người ta dùng làm lát buộc.

Nước giếng trong, con cá nó vầy vùng = người đi thú thân mình không được thanh thoi như con cá ở giếng.

28. KHÔNG THAM CỦA NGƯỜI

Ông Nguyễn Đình Thân người huyện Châu Lộc, tỉnh Nghệ An, tính rất thuần hậu, không bao giờ tham lam mà lấy của ai một tí gì.

Ông có mua một cái nhà cũ, định sửa sang lại để ở. Khi người cháu đào viên *đá tảng*, thấy dưới viên đá có hai hũ đựng mười lạng bạc, mới đem vào trình ông. Ông nói: "Đây là của người chủ cũ, không phải là của ta, chớ nên lấy. Nếu lấy là lấy của *phi nghĩa*. Ta

nên để trả người ta".

Nói rồi, ông sai đem cát đi cẩn thận. Sau quả nhiên, người chủ cũ đến xin lấy của ấy, ông gọi người nhà đem ra trả ngay. Người kia cảm phục cái bụng của ông, xin chia đôi để biếu ông một nửa. Ông nhất định không lấy. Người đời bấy giờ ai cũng khen ông là một bậc *quân tử* đáng tôn kính vậy.

Giải nghĩa:

Đá tảng = một khối đá to.

Phi nghĩa = trái với lẽ phải.

Quân tử = người có tư cách, có độ lượng hơn người thường.

29. KHÔNG VÌ TIỀN MÀ LÀM ĐIỀU PHI NGHĨA

Ông Mã Duy Hàn là một ông quan đời trước, có tiếng là người thanh liêm, chính trực. Thuở ông còn *hàn vi* làm học trò, đến ở trọ một nhà giàu kia. Nhà ấy có thù hằn với một nhà khác, định bày mưu để *vu tội* cho người ta, mới đem một trăm nén vàng cho ông, bảo ông đứng ra làm việc ấy. Ông nhất định không chịu, mà bảo rằng: "Xưa nay tôi học những gì, mà bây giờ tôi lại tham của hại người như thế?" Nói đoạn, ông nghĩ bụng rằng: nhà này cậy có tiền của, toan làm những điều gian ác, không phải là nhà ta ở được, bèn dọn đi tìm nhà khác ở.

Người ta nên bắt chước như ông Mã Duy Hàn, không bao giờ nên để cho lòng tham *tài lợi* khiến được mình làm điều phi nghĩa.

Giải nghĩa:

Hàn vi = đói nghèo.

Vu tội = bày tội ra mà đổ oan cho người ta.

Tài lợi = của cải.

30. QUẢ BỨA

Năm và Sáu cùng đan tay đi với nhau. Chợt đâu bắt⁽¹⁾ được một quả⁽²⁾ bứa ở giữa đường. Hai cậu tranh nhau mãi. Năm thì rằng: "Quả bứa ấy của tao, vì mắt tao trông thấy trước." Sáu thì rằng: "Của tao, vì tay tao nhặt⁽³⁾ lên được." Hai cậu to tiếng cãi nhau, giơ chân, giơ tay, chực sinh sự đánh nhau⁽⁴⁾. Ngay lúc ấy có cậu Cả vừa đi qua, hai cậu vội mời lại để nhờ phân xử hộ.

Cậu Cả hỏi đầu đuôi, cầm ngay lấy quả bứa, bảo hai cậu đứng sang hai bên. *Đoạn*, cậu móc túi, lấy con dao con, bổ (cắt) quả bứa ra làm đôi, rồi làm bộ *nghiêm trang* mà nói rằng: "Năm, mày trông thấy quả bứa trước, mày lấy nửa vỏ này. Sáu, mày nhặt được quả bứa lên, mày lấy nửa vỏ này. Còn những múi bứa đây là phần tao cả, vì tao đã mất công khó nhọc phân xử việc này cho chúng bay."

Nói xong, cậu Cả bỏ bứa vào miệng rồi vừa đi vừa cười. Còn Năm và Sáu thì đứng tro mắt ra đó.

(1) xí. (2) trái. (3) lượm. (4) lộn.

Giải nghĩa:

Đoạn = xong rồi.

Nghiêm trang = ra dáng đứng đắn oai vệ lắm.

31. BẢO CỬ LÀ GÌ?

Sáng hôm chủ nhật, cậu Sử nghe thấy nói có quan về tại đình làng và nhân dân nhộn nhịp⁽¹⁾ rủ nhau đi bảo cử. Sử không hiểu bảo cử là gì, mới hỏi anh, thì anh giảng rằng: "Làng ta hiện *khuyết* lý trưởng, vì người lý trưởng trước là ông Phú mới xin *từ dịch*. Nên quan về chủ trương để cho dân kén chọn⁽²⁾ một người ra thay. Dân sự kén chọn lấy người thay mặt để ra làm việc quan như vậy gọi là bảo cử."

Sử lại tò⁽³⁾ mò hỏi: "Vậy bảo cử thì người ta làm thế nào⁽⁴⁾?" Anh đáp: "Ai được đi bầu và muốn bầu cho ai, thì viết sẵn tên người ấy vào một mảnh giấy, gấp lại để bỏ vào trong một cái thùng trước mặt quan. Hễ ai được nhiều người bỏ vé⁽⁵⁾ bầu cho mình thì người ấy được làm lý trưởng. Ấy đại để cái cách bảo cử như thế. *Tựu trung* còn có nhiều điều khó hơn nữa. Nhưng thôi, đợi bao giờ đến tuổi được đi bầu rồi em sẽ biết."

(1) chộn rộn. – (2) lựa. – (3) lần. – (4) làm sao. – (5) giấy.

Giải nghĩa:

Khuyết = thiếu, đây là không có người làm.

Từ dịch = thôi không làm việc nữa.

Tựu trung = tự: tới; trung: trong; ở trong việc ấy còn có việc khác nữa.

32. THƠ CÁI NÓN

(Thơ cổ) - Bài học thuộc lòng.

Dáng tròn vành vạnh *vốn không hư*,
Che chở bao la khắp bốn bờ.
Khi để tưởng nên dù với tán,
Nên ra thì nhạt (lạt) nắng cùng mưa.
Che đầu *bao quản* lòng tư túi,
Giúp chúa nào quên nghĩa sớm trưa.
Vòi vọi ngồi trên ngôi *thượng đỉnh*,
Ai ai lớn nhỏ đội ơn nhờ.

Đại ý:

Bài này tả cái nón, mà trong lại ngụ ý nói một bậc bề trên có độ lượng bao dung che chở cho nhân dân, cũng như cái nón che mưa, che nắng cho mọi người vậy.

Giải nghĩa:

Vốn không hư = không dùng làm việc gì đê hạ.

Khi để = khi đội lên đầu.

Bao quản = ý nói ai đội cũng được, không riêng tư với ai cả.

Thượng đỉnh = thượng: trên; đỉnh: chòm đầu, nói cái nón đội trên đầu.

33. CON HỔ VÀ CON CHUỘT NHẮT (LẮT)

Một hôm, con chuột nhắt (lắt) chạy qua gần con hổ. Hổ thò chân ra bắt. Chuột van lạy rằng: "Trẫm lạy ông, thân con bé bỏng, ông tha cho làm phúc". Hổ bảo rằng: "Ừ, may bé thể này tao chẳng thèm ăn thịt. Thôi, ta tha cho." Chuột được tha, nói rằng: "Cám ơn ông,

cái ơn *tái tạo* ấy, con không dám quên. Chắc ông ở hiền rồi lại gặp lành!"
Được ít lâu, hổ bị mắc vào lưới. Hổ gầm, nhảy hết sức cũng không thoát ra được, đành nằm ép một bề để đợi chết. May sao chuột nhắt ta đi qua đây, trông thấy, chạy về gọi cá nhà [gọi nhà] chuột ra, cắn một lát đứt mắt lưới, hổ mới thoát được.
Xem như thế thì ở đời làm ơn không bao giờ thiệt, và nhiều khi những kẻ hèn mọn cũng có thể giúp được việc cho ta.

QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện in khác với QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công.
QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công in giống như QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học.

Giải nghĩa:

Tái tạo = *tái* là một lần nữa; *tạo* là dựng ra. Ý nói như đã chết rồi mà lại cho sống lại.

34. ÔNG CHU VĂN AN

Ông Chu Văn An là người tỉnh Hà Đông bấy giờ, đỗ *tiến sĩ* về đời nhà Trần. Tính ông ngay thẳng và *điềm đạm*, không ham danh lợi, chỉ chăm làm cho tỏ đạo thánh hiền và trừ khử những mối *dị đoan*.

Ông thi đỗ rồi về mở trường dạy học, học trò rất đông, có người làm đến thượng thư, tể tướng, nhưng đối với ông phải giữ lễ học trò. Khi nào đến thăm thầy, vẫn phải đứng hầu. Trong bọn học trò, ai có điều gì không phải, dầu quyền quý thế nào cũng mặc, ông quát mắng đuổi ra.

Vua nghe ông là bậc đạo đức *mô phạm*, triệu vào kinh cho làm quan, để dạy thái tử. Sau ông thấy chính sự trong Triều suy đồi, bọn quyền thần lạm kẻ làm bậy, ông dâng sớ xin chém người [chém bậy người] gian nịnh. Vua không nghe lời. Ông bèn từ chức xin [xin từ chức] không thiết gì đến công danh quyền lợi nữa.

Người trong nước ai cũng khen ông là bậc cao hiền. Khi mất, vua cho đem vào thờ [đem thờ] trong Văn miếu, ngang hàng với bậc *tiên nho*.

QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện in khác với QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công.
QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công in giống như QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học.

Giải nghĩa:

Tiến sĩ = người đi thi đình đỗ.

Điềm đạm = yên tĩnh.

Dị đoan = mối lạ, những điều huyền hoặc.

Mô phạm = khuôn phép, có thể làm gương cho người ta bắt chước.

Tiên nho = những bậc hiền đời trước.

35. MỘT NGƯỜI KHOAN HÒA VÀ THUẬN HẬU

Ông Trình Hiệu là một nhà hiền triết đời xưa. Ông tính khí cẩn thận, hồn hậu, không hay nói xấu ai bao giờ. Ở nơi *công chúng*, thấy ai *chỉ nghị* người nào, thì ông bênh người vắng mặt hoặc ông không *bắt chuyện*, chờ cho người ta nói xong, ông mới *thùng thình* mà nói rằng: "Vị tất điều họ đồn đã thật", rồi ông lại kể những điều hay của người bị chỉ nghị ra cho mọi người biết. Đối với người ngoài thì thế, mà đối với chính mình, thì không bao giờ ông giận ai hoặc trách ai điều gì. Có khi đang dự tiệc, bị có người chế nhạo⁽¹⁾, ai cũng lấy làm ngạc nhiên, nhưng ông cứ để mặc, không cãi điều gì cả. Sau mới

nói rằng: "Người ấy say rượu, ta cãi làm gì!"
Ông khoan hòa thuận hậu như thế, cho nên ai cũng kính phục.

(1) hủy báng.

Giải nghĩa:

Công chúng = chỗ có cả nhiều người ngồi.

Chỉ nghị = chê bai, bài bác.

Bắt chuyện = tiếp chuyện, đáp lại.

Thông thả = thông thả, dễ dàng.

36. CÁI THỨ NHÀ QUÊ VÀ CÁI THỨ KẸ CHƠI⁽¹⁾

Anh Minh và anh Ất là hai anh em con cô con cậu. Nhà anh Minh thì buôn bán ở tỉnh thành; cha mẹ anh Ất thì làm ruộng ở nhà quê.

Một hôm, Minh viết thư cho Ất rằng: "Em cố xin phép cha mẹ mò [mà] ra tỉnh chơi. Ra đây anh sẽ đem đi xem các *dinh thự* to lớn, *lâu đài* đẹp đẽ, sẽ đem đi chơi những nơi phong cảnh *rực rỡ*, ban đêm đèn máy thấp sáng như ban ngày, người đi lại đông như ngày hội."

Ất đáp lại rằng: "Đến độ nghỉ hè⁽²⁾, anh có về nhà quê chơi thì ta sẽ đi xem người làm ruộng ngoài đồng, nơi thì trồng rau, nơi thì tát nước. Sáng dậy, ta đi câu cá rô, cá giếc, chiều về ta đi lấy ổi, lấy nhãn, hoặc ta ra chỗ rừng bên cạnh chùa, tha hồ cây to bóng mát, rộng rãi thành thơ."

(1) người dinh. – (2) nghỉ bãi trường.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

Giải nghĩa:

Dinh thự = nhà các quan to ở.

Lâu đài = nhà to lớn, đẹp đẽ.

Rực rỡ = đẹp đẽ, lộng lẫy.

37. KẸ Ở NGƯỜI ĐI

Cơm nước xong rồi, thầy mẹ tôi, anh em, chị em tôi, cả đến kẻ ăn người ở trong nhà, đều tiễn tôi ra tận bờ sông, chỗ thuyền đậu.

Vừa ra khỏi nhà, thì trong lòng tôi tự nhiên sinh ra buồn rầu vô cùng. Từ thuở bé đến giờ, chỉ quen vui thú ở nhà, nay tôi mới biết cái cảnh *biệt ly* là một! Chân bước đi, mặt còn ngoảnh lại: từ cái mái nhà, cái thềm nhà, cái lối đi, cho đến bụi cây, đám cỏ, cái gì cũng làm cho tôi *quyến luyến* khác thường!

Thuyền *nhỏ sào*, ai nấy đều chúc cho tôi được thuận buồm xuôi gió, bình yên khỏe mạnh. Thuyền đi đã xa, mà tôi còn đứng nhìn trở lại, nhìn mãi cho đến lúc không trông⁽¹⁾ thấy nhà nữa mới thôi. Ôi! cái [Cái]* cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!

(1) ngó.

Ghi chú cái [Cái]*:

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

Giải nghĩa:

Biệt ly = xa cách nhau.

Quyến luyến = yêu mến, vương vít trong lòng.

Nhỏ sào = lòi sào cắm ở sông lên, để chờ thuyền đi.

38. KHÔNG NÊN KHINH NHỮNG NGHỀ LAO LỰC

Cậu Trác ra *tinh lý* học đã lâu ngày, nhân dịp Tết được nghỉ về nhà chơi. Cậu thấy anh đang chân đạp máy cửi, tay đưa thoi, ra dáng vất vả, thì cậu phàn nàn với mẹ rằng: "Con trông thấy anh con làm ăn mà thương. Con chẳng làm nghề ấy. Con cố học để ngày sau được làm quan, hiển vinh sung sướng."

Bà mẹ cười mà đáp rằng: "Con *cố chí* học hành để mai sau làm quan, mẹ cũng mừng. Nhưng con đừng vội khinh cái nghề của anh con. Anh con có dệt vải, thì bây giờ con mới có quần áo mặc mà đi học, ngày sau con mới có quần áo mặc mà ngồi công đường. Không cứ gì một nghề dệt vải, mà tất cả bao nhiêu nghề khác làm bằng chân tay, như cha con đi cày, người thợ rèn sắt, người gồng thuê gánh mướn, người phu kéo xe... đều là những nghề có ích cả, ta đều phải kính trọng cả mới phải. Con chớ nên cậy có chút học thức mà khinh những người làm ăn vất vả⁽¹⁾."

(1) cực khổ.

Giải nghĩa:

Lao lực = nói những nghề làm ăn phải dùng đến sức khỏe, khó nhọc đến thân thể.

Tinh lý = chỗ quan tĩnh đóng.

Cố chí = muốn làm một việc gì cho kỳ được.

39. RẮN⁽¹⁾ ĐÀU BIẾNG (NHÁC) HỌC

(Thơ cổ)- Bài học thuộc lòng.

Chẳng phải *liu diu*, vẫn giống nhà,
Rắn đầu biếng học lẽ không tha.
Thẹn đên, hổ lửa, đau lòng mẹ,
Nay thét, mai gằm, rât cổ cha.
Ráo mép chỉ quen lời lêu lảo,
Lần lung chẳng khỏi *vết năm ba*.
Từ nay *Châu, Lỗ*, xin siêng học,
Kéo hồ mang danh tiếng *thế gia*.

Lê Quý Đôn

(1) cứng.

Đại ý:

Tục truyền xưa có người ra cho ông Lê Quý Đôn bài thơ này, lúc ông hãy còn ít tuổi. Đầu đề có chữ "rắn", ông ứng khẩu làm ngay được, câu nào cũng ghép được tên một thứ rắn: *liu diu, hổ lửa, mai gằm, rắn ráo, thằn lằn, hổ mang*, thật cũng là một nhà làm thơ có

tài vậy.

Giải nghĩa:

Liu điu = rần nước; đây dùng nghĩa bóng nói người hèn hạ.

Thẹn đèn, hổ lửa = ý nói học hành rốt [dốt] nát, trông thấy đèn lửa mà thẹn thò, xấu hổ.

Nay thét, mai gằm = ý nói không chịu học, làm cho cha phải quở mắng luôn.

Vết năm ba = nói phải đòn trên lưng, còn lẫn.

Châu, Lỗ = trò đạo Khổng, Mạnh; ông Khổng tử ở nước Lỗ, ông Mạnh tử ở nước Châu.

Thế gia = nói một nhà ông cha đời trước làm nên danh giá.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viên](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

40. THƯ TỬ

Viết thư⁽¹⁾ cho ai tức là lấy chữ viết thay lời nói, tỏ ý với người ta, nghĩa là giải bày những *tư tưởng*, những tính tình của mình bằng chữ viết cho người ta biết.

Vậy thư viết cũng như chuyện nói, phải cho tự nhiên, nhưng đã cầm bút viết, thì lời lẽ ắt *chải chuốt* hơn và cẩn thận hơn là lời nói.

Thư viết lại cốt phải rõ ràng và *giản dị*, nghĩa là chữ dùng câu đặt, phải cho đâu ra đó, không mập mờ lằng lằng, không nhảm nhí lời thôi, chỉ diễn rõ tư tưởng là đủ, không cần gì phải văn hoa cho lắm.

Thư viết cho họ hàng bạn bè thì cốt phải tỏ lòng tử tế thân ái. Kẻ dưới viết cho người trên thì phải tỏ bụng tôn trọng cung kính, mà người trên đáp lại kẻ dưới thì phải có bụng yêu mến ân cần. Còn thư về việc buôn bán thì phải gãy gọn⁽²⁾ khúc chiết [phải khúc chiết⁽²⁾].

(1) thơ. – (2) gãy nghĩa.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viên](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

Giải nghĩa:

Tư tưởng = những điều nghĩ ngợi trong bụng.

Chải chuốt = tron tru, không lời thôi ngúc ngắc.

Giản dị = dễ dãi.

41. CHUYỆN MỘT NGƯỜI THỢ ĐÁ CÓ LƯƠNG TÂM

Người ta ở đời phải ăn ở cho trung hậu thành thực, dầu được giàu sang mà làm điều trái đạo, thì thế nào⁽¹⁾ cũng không làm, mà làm điều ngay lành, thì dầu có cực khổ, cũng cố⁽²⁾ làm cho được.

Xem⁽³⁾ như đời xưa, người Sái Kinh là một đứa gian nịnh có quyền thế, thấy bọn Tư Mã Quang là *trung thân*, không chịu vào đảng với mình, bèn đem lòng ghen ghét, sai thợ khắc tên những ông ấy vào bia đá, bày ở các phủ huyện để làm cho xấu xa. Lúc ấy có một người thợ đá tên là An Dân, không chịu khắc, nói rằng: “Chúng tôi ngu dốt, không hiểu ý làm sao, nhưng cứ như bọn ông Tư Mã Quang thì ai cũng khen là *chính trực*, mà sao lại bảo là *gian tà*, tôi không nỡ khắc”. Quan phủ giận, toan bắt tội. An Dân khóc mà nói rằng: “Bắt làm thì tôi xin làm, nhưng xin tha cho, đừng bắt khắc tên người thợ đá ở dưới bia”. Quan phủ nghe câu ấy, cũng thẹn mặt⁽⁴⁾ với người thợ đá.

(1) làm sao. - (2) ráng. - (3) coi. - (4) mắc cỡ.

Giải nghĩa:

Trung thân = người tội ngay.

Chính trực = ngay thẳng.

Gian tà = người làm điều ác, không ngay thẳng.

42. CHUYỆN ANH EM HỌ ĐIỀN

Đời xưa có chuyện anh em họ Điền, cha mẹ mất sớm, ba anh em ở với nhau. Anh cả và anh hai lấy vợ rồi, vẫn cứ ở chung một nhà, mà không có điều gì. Đến khi người con thứ ba lấy⁽¹⁾ phải người vợ không *hiền*, thấy sự ăn tiêu chung chạ như thế, sợ hai anh chiếm giữ mất quyền lợi của mình, mới xui chồng xin ra ở riêng. Người chồng thấy vợ *nói ra nói vào*, cũng chiều lòng mà nói với hai anh xin chia của ra.

Hai anh trước còn không thuận, sau thấy vợ chồng người em cứ kêu nài mãi, bèn đem của cải chia ra làm ba phần. Lúc ấy ở trước sân có một cây *cổ thụ*⁽²⁾, xưa nay vẫn tươi tốt. Ba anh em định ngày hôm sau thì chặt xuống để chia ra mỗi người một phần cho đều.

(Còn nữa)

(1) cưới. - (2) cổ thụ.

Giải nghĩa:

Hiền = người có đức hạnh, biết ăn ở phải đạo.

Nói ra nói vào = nay nói, mai nói để cho người ta xiêu lòng.

Cổ thụ = cây đã lâu đời.

43. CHUYỆN ANH EM HỌ ĐIỀN (tiếp theo)

Sáng ngày hôm sau, người anh cả gọi hai em đến để đi chặt cây, thì thấy cây đã chết khô rồi. Người anh cả mới ôm gốc cây mà khóc. Hai em đều nói rằng: "Cây kia đáng giá bao nhiêu mà anh thương tiếc như thế?" Người anh nói: "Nào có vị gì cây này mà ta khóc đâu. Ta nghĩ ba anh em ta cùng một cha mẹ sinh ra, khác gì cây kia một gốc sinh ra bấy nhiêu cành và lá, rườm rà tốt tươi là dường nào! Chỉ vì hôm qua ba anh em ta định chặt nó xuống để chia cho nhau, có lẽ nó không nỡ sống mà chịu *phân li* [*ly*]* ra, cho nên mới một đêm mà đã chết khô. Nếu anh em ta phân li ra, thì rồi cũng giống như cây này mà thôi. Bởi thế cho nên ta động lòng thương mà khóc".

Người em thứ ba nghe anh nói vậy, trong lòng cảm động, nghĩ mình không bằng giống *thảo mộc*, mới ôm anh mà khóc rồi *tình nguyện* xin cứ ăn chung ở chung như cũ. Từ đó về sau, họ Điền cứ đời đời ở với nhau rất là hòa thuận, tiếng khen khắp cả thiên hạ.

Ghi chú *li* [*ly*]*:

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#).

Giải nghĩa:

Phân li [*ly*] = phân là chia; *li* [*ly*] là lia. *Phân li* [*ly*] là chia rẽ nhau ra.

Thảo mộc = cây, cỏ.

Tình nguyện = tự mình thuận xin.

44. SỰ LỢI ÍCH CỦA XE LỬA

Ngày xưa, ở nước ta, đường sá ít mà xấu, sự giao thông thật là bất tiện. Nhân dân thường cứ ở đâu biết đó, không nǎng đi lại, cho nên việc buôn bán làm ăn không mở mang ra được. Bây giờ thì không thế nữa, đường sá đã nhiều lại tốt, lại có xe lửa là một cách giao thông rất tiện lợi cho người ta. Người xứ nọ qua xứ kia dễ như đi chợ vậy. Nhờ vậy người trong Nam ngoài Bắc nǎng gặp nhau, thành ra không xa cách như trước nữa. Xe lửa lại chở được các thứ sản vật như *nông sản*, *lâm sản*, *khoáng sản*, cùng những hàng hóa nơi nọ đến nơi kia, làm cho các công nghệ càng ngày càng *phát đạt* và thịnh vượng thêm, và sự làm ăn cũng dễ dàng hơn trước. Nói rút lại, xe lửa có thể giúp cho sự văn minh tân bộ được một phần rất lớn. Vậy nên trong sách tây có câu rằng: Cứ xem đường xe lửa của một nước nhiều hay ít, thì biết được nước ấy mạnh hay yếu.

Giải nghĩa:

Nông sản = những sản vật bởi sự trồng trọt mà sinh ra.

Lâm sản = những sản vật lấy ở trong rừng.

Khoáng sản = những sản vật lấy ở dưới mỏ.

Phát đạt = mở mang ra.

45. NHÀ GA

Nhà ga là nơi xe lửa đậu để cho khách lên xuống. Ga nào cũng có chỗ bán vé⁽¹⁾, chỗ cân hàng, buồng làm giấy, buồng cho khách ngồi đợi.

Khi xe lửa đến, thì đậu ở trước ga, khách lên xuống xong thì lại chạy. Trong một *đoàn* xe lửa, thì cái xe máy đi đầu có người *tài xế* cầm máy và người đốt lửa. Sau xe máy thì có toa đựng nước và chứa than, rồi đến toa chở *thu*⁽²⁾ từ và đồ đạc. Sau cùng thì đến các toa *hành khách*. Những toa này chia ra nhiều hạng: hạng nhất, hạng nhì, hạng ba và hạng tư.

(1) giấy. – (2) thơ.

Giải nghĩa:

Đoàn = đi một lũ, một dây; đây nói nhiều toa nối với nhau.

Tài xế = người cầm máy.

Hành khách = hành: đi; khách: người. Đây nói người đi xe lửa.

46. CON NGỰA KHÔN NGOAN

Một người Mường⁽¹⁾ cứ mỗi tháng hai phiên đem các đồ vật ra chợ bán. Người ấy cưỡi ngựa, hai bên mình ngựa đeo hai cái giỏ đựng hàng, đằng trước cổ đeo một cái *bị*, hễ bán được đồng tiền nào lại bỏ ngay vào đây.

Một hôm, người Mường đi qua nhà kia, bán được ít *mộc nhĩ*⁽²⁾, rồi nhảy lên mình ngựa đi, nhưng *thức* thế nào con ngựa cũng không chịu đi.

Người ấy lại phải nhảy xuống, để xem con ngựa làm sao. Khi nhìn đến cái bị thì sực nhớ ngay lại rằng bán mộc nhĩ quên chưa lấy tiền. Chắc con ngựa biết thế vì nó chưa nghe thấy tiếng tiếng bạc bỏ vào bị.

Quả nhiên, lúc đòi tiền bỏ vào bị rồi, thì con ngựa lại *rảo bước* đi ngay. Thế nó có khôn

ngoan không?

(1) mọi. – (2) nắm mèo.

Giải nghĩa:

Bị = đồ đựng có quai, đan bằng cối.

Mộc nhĩ = *mộc*: cây; *nhĩ*: tai; thứ nấm mọc ở các cây mục và có hình như cái tai.

Thúc = giục người ta làm việc gì cho mau.

Rảo bước = đi mau chân.

47. RĂN KẸ THAM

Người đời ngay thật là khôn,
Gian tham ghen *lận* sao còn được hay?
Mưu thâm chắt nặng, chứa đầy,
Nhà đều ăn cả, tội nay một mình.
Người làm một việc *chẳng minh*,
Cũng khi họa đến không dành riêng ai.
Càng gian, càng giáo ở đời,
Lại càng khôn đốn nhiều *tai* âu sâu.
Dù cho giàu có đến đâu,
Cũng như nước dốc qua hầu tràn đi.

Trích ở sách Âm chất

Giải nghĩa:

Lận = keo cúi, bủn xỉn (bỏn xẻn).

Mưu thâm = dùng những mẹo sâu sắc để lừa gạt người ta.

Chẳng minh = không được rõ ràng.

Tai = những điều xảy đến làm cho mình khổ sở.

Cũng như nước dốc qua hầu tràn đi = câu này ý nói những của gian tham mà được, thường khi không được bền, tụt rồi lại tán ngay như nước chảy qua chỗ dốc vậy.

48. KHUYÊN VỀ LÀM RUỘNG

(Ca dao)- Bài học thuộc lòng.

Văn chương phú lục chẳng hay,
Trở về làng cũ học cày cho xong.
Sớm ngày vác cuốc thăm đồng,
Hết nước thì lấy *gàu sòng* tát lên.
Hết mạ ta lại quảy thêm,
Hết lúa ta lại mang tiền đi đong.
Nữa mai lúa tốt đây đồng,
Gặt về đập *sảy* bỏ công cấy cày.

Giải nghĩa:

Văn chương = nói gồm cả cách học về đường chữ nghĩa.

Phú lục = bài văn phải theo vần, theo luật.

Gàu sòng = một thứ gàu tát nước có ba cái cọc và một người tát.
Sảy = bỏ thóc vào cái mẹt rồi hắt lên hắt xuống để cho hạt lép bay đi.

49. CỐ CHÍ THÌ NÊN

Ông Châu Trí lúc bé thông minh và chăm học lắm. Năm mới lên mười hai tuổi, đã biết làm văn, nhiều người đều khen ngợi.

Song nhà nghèo, ông vẫn phải đến ở nhờ tại chùa Long Tuyên. Không có tiền mua dầu thắp đèn, ông phải đi quét lá đa⁽¹⁾, tối đến đốt lửa lên mà học. Ông học đến năm mười sáu tuổi đã đỗ *giải nguyên*.

Thiên hạ rủ nhau đến mừng và tặng ông một bài thơ:

Một anh học trò kiết chùa Long Tuyên,
Ai ngờ nay lại đỗ giải nguyên,
Ở đời chẳng có việc gì khó,
Người ta *lập chí* phải nên *kiên*.

(1) đa.

Giải nghĩa:

Giải nguyên = đỗ đầu kỳ thi hương, ta còn gọi là thủ khoa.

Lập chí = định bụng cố làm việc gì cho kỳ được.

Kiên = bền, làm một việc gì phải bền lòng, không nản chí.

50. MỘT ÔNG QUAN THANH LIÊM

Ông Trịnh Đàm Toàn làm quan đời xưa, có tiếng là người nhân từ trung hậu, chỉ siêng việc nước giúp dân yên, hết lòng bênh vực những kẻ hèn yếu. Thường ai cho gì ông cũng không lấy. Một ngày kia, có người đem lễ một bao trà, ông không muốn nhận, người kia cứ nói mãi, ông nể lòng, bảo cất đi. Đến khi xem ra thì thấy trong bao toàn là những đồ vàng cả. Ông không nói gì, lại đập nắp lại, rồi cho gọi người ấy đến mà bảo rằng: “Vừa rồi ta tưởng hết trà uống, mà nhà ngươi lại có lòng tốt đem cho, thì ta lấy. Nhưng bây giờ xem ra thì trong nhà hãy còn đủ uống”. Nói xong đưa bao trà trả lại. Trả rồi ông cũng không tỏ cho ai biết là người ấy đến *cầu cạnh* mình. Ấy, không những ông là một người làm quan thanh liêm mà lại có tính hồn hậu, không hay đem chuyện *bí mật* của người ta mà *thổ lộ* ra ngoài.

Giải nghĩa:

Cầu cạnh = xin việc gì.

Bí mật = kín đáo.

Thổ lộ = bày tỏ ra cho người ngoài biết.

51. THƠ CON MÈO

(Thơ cổ) - Bài học thuộc lòng.

Cũng thì nanh vuốt, kém chi đâu,
Chừa biết mèo nào cắn *miu* nào.
Giống lịnh *tì*, *hưu*, tài nhậy nhót,
Ra oai *hùng*, hổ, tiếng *bào hao*.

Ngắm xem biết mẹo trèo từ thấp,
Khúm núm thu hình thoát nhảy cao.
Chỉ quyết phen này vồ lấy *cống*,
Rồi lên đài các sẽ *ngheu ngao*.

Đại ý:

Trong bài, một con mèo có ý nói thi tài ra, thì chẳng chịu kém mèo nào, vì cũng nhảy nhót, cũng kêu gào, cũng mưu mẹo như các mèo khác. Nếu mèo bắt được chuột thì được thỏa lòng lắm. Bài này lại ngụ ý nói một người học trò khoe tài quyết chí thi cho đỗ mới nghe; tiếng *cống* trong câu thứ bảy chỉ *cống* sinh tức là cử nhân đời trước.

Giải nghĩa:

Miêu = cũng là mèo, đọc ra *miu* cho thành âm trắc.

Tì, Hưu = loài mãnh thú.

Hùng = con gấu.

Bào hao = tiếng gào thét.

Cống = chuột cống.

Ngheu ngao = ý nói kêu tự do, ra dáng đắc chí lắm.

52. CON CHÓ VÀ MIẾNG THỊT

Một hôm, một con chó vào hàng⁽¹⁾ com ngoạm⁽²⁾ trộm miếng thịt. Người nhà hàng trông thấy, vác gậy đuổi theo. Con chó đâm đầu chạy. Khi chạy đã xa, đến một cái cầu, con chó đứng lại để ăn. Nhìn xuống sông, thấy có một miếng thịt to hơn miếng thịt đang ngậm trong miệng. Nó liền nhả ngay miếng thịt ấy ra, nhảy xuống sông định lấy miếng thịt ở dưới nước. Nhưng nào có lấy được! Chẳng qua chỉ là bóng miếng thịt nước chiếu lại mà thôi. Còn miếng thịt, dòng nước *cuồn cuộn* kéo đi, con chó hết sức đuổi theo cũng không sao lấy lại được nữa.

Ồi! Con chó lấy trộm thịt là có tội, con chó nhả bỏ miếng thịt lại là *khờ* dại. Thả mỗi bắt bóng, bóng bắt chẳng được, mỗi kia không còn, chẳng là đáng tiếc lắm sao! Người ta ở đời chẳng nên *đứng núi này, trông núi nọ*, đã *được voi* lại còn *đòi tiên*. Cái gì đã nắm chắc trong tay, ta chớ nên buông ra mà chực những cái *hảo huyền*⁽³⁾ đâu đâu.

(1) quán. – (2) tấp. – (3) bông lông.

Giải nghĩa:

Cuồn cuộn = dòng nước chảy nhanh trông như cuốn mà đi vậy.

Khờ = hớ hênh, bị lừa.

Đứng núi này trông núi nọ, được voi đòi tiên = hai câu tục ngữ, ý nói đã được thế này lại còn đòi thế khác.

53. ĐỨC KHỔNG TỬ

Đức Khổng Tử là ông thánh *chí tôn* trong đạo Nho. Ngài dạy người ta cách ăn ở thế nào là phải đạo luân lý, cùng là hợp⁽¹⁾ với lẽ phải của trời đất. Người nước Tàu và người nước ta đều học theo đạo của ngài.

Thuở ngài còn sống, ngài đã làm quan ở nước Lỗ, sau ngài đi khắp nhiều nước bên Tàu, để đem thi hành cái đạo của ngài, nhưng vì các vua đời bấy giờ không biết nghe lời ngài, cứ lo việc đánh nhau, cho nên ngài lại trở về nước Lỗ, làm sách và dạy học trò.

Học trò ngài đông đến hơn ba nghìn người, mà ai cũng tôn kính và yêu mến ngài như cha. Đến khi ngài mất, các học trò thương nhớ *vô cùng*, đều để *tâm tang* ba năm mới thôi. Trong học trò ngài, có thầy Tử Cống nhớ ơn ngài, làm nhà gần bên mộ mà ở đến sáu năm.

Về sau, các vua chúa đời nào cũng *sùng bái* ngài. Đến ngày nay ở các làng thì có văn chỉ, ở các tỉnh thì có văn miếu, chỗ nào cũng thờ ngài một cách rất kính trọng.

(1) hiệp.

Giải nghĩa:

Chí tôn = rất tôn, tôn quý hơn cả.

Vô cùng = không bao giờ hết.

Tâm tang = để tang trong bụng, chớ không mặc đồ tang.

Sùng bái = tôn trọng, kính phục.

54. ÔNG MẠNH TỬ

Ông Mạnh Tử là học trò cháu đức Khổng Tử. Ông cũng toan đem đạo của ngài ra mà thi hành, nhưng vì người thời bấy giờ⁽¹⁾ không ai biết dùng. Ông bèn làm ra sách Mạnh Tử để dạy người ta những điều nhân nghĩa. Ông *sở dĩ* thành một người có *đức vọng* như thế, là vì ông *biết lập chí* từ lúc hầy còn trẻ.

Thuở ông còn nhỏ, cha mất sớm, mẹ nuôi cho đi học, ông thường bỏ về nhà chơi. Một hôm, bà mẹ thấy vậy, bèn lấy dao cắt đứt khung cửi (không cửi) của bà đang dệt mà bảo rằng: "Người ta phải lập chí cho bền thì mới nên được người có đức hạnh, nếu không thì có khác gì như tấm vải đang dệt chưa xong này, mà đem cắt đứt đi, thì còn dùng làm gì được nữa."

Ông nghe lời ấy, quyết chí học tập, *suốt* được cái đạo của *thánh nhân*, thành một bậc đại hiền trong đạo Nho vậy.

(1) lúc đó.

Giải nghĩa:

Sở dĩ = tiếng nói đệm, nói lót, cũng như nói bởi đâu.

Đức vọng = có danh tiếng to, công đức to, có thể làm gương cho người ta bắt chước.

Lập chí = định cái chí của mình, không thay đổi nữa.

Suốt = hiểu hết được, bắt đến nơi, đến chốn.

Thánh nhân = đây là nói đức Khổng Tử.

55. VÌ NHỚ MÀ BUỒN

(Ca dao) - Bài học thuộc lòng.

Đêm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ.
Buồn trông chênh chéch sao mai,
Sao ơi, sao hỡi, nhớ ai sao mờ?
Buồn trông con nhện chăng tơ.
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai?

[Buồn trông con nhện chăng tơ,
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mỗi ai?
Buồn trông *chênh chéch* sao mai,
Sao ơi, sao hỡi, nhớ ai sao mờ?]
Đêm đêm tưởng dải *Ngân hà*,
Chuôi⁽¹⁾ sao *trinh đầu* đã ba năm tròn.
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Tào Khê nước chảy hãy còn tro tro.

(1) cán.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#).
QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công in giống như QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học.

Ghi chú dưới hình minh họa: [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện ghi: Đêm trông sao.](#) []; ([] = [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) và QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học không thấy có ghi chú. TV)

Giải nghĩa:

Chênh chéch = nghiêng nghiêng.

Ngân hà = ở trên trời có dải dài nhiều sao li ti, trông sang sáng, ta gọi là sông Ngân hà.

Trinh đầu = sao đại hùng tinh ở gần sao bắc cực.

Tào Khê = tên cái khe bên Tàu.

56. CON RÙA VÀ CON CHUỘT

Con chuột chạy nhung nhăng⁽¹⁾ khắp nhà, gặp con rùa đang *lịch kịch* kéo cái mai, ra bộ nặng nề lắm. Chuột liền đến bên cạnh, quật đuôi, nhếch miệng, than thở hộ cho con rùa rằng: "Mày ở trong cái mai ấy khác gì như ở trong *ngục tối*. *Khen* [Khôn] thay! Thế mà mày chịu được! Tao đây, cả một tòa *lâu đài trang hoàng* rực rỡ, trên, dưới, trong, ngoài tao chơi đâu cũng được." Rùa nghe nói, đáp rằng: "Nhà tôi ở bé nhỏ thật, nhưng là nhà của tôi; nhà bác ở cao rộng thật, nhưng là nhà của người. Nhà của mình mình ở, dầu bé nhỏ cũng còn hơn ở lâu đài của người ta.

*Ta về ta tắm ao ta,
Dầu trong dầu đục, ao nhà đã quen.*

(1) lung lảng.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#).
QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công in giống như QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học.

Giải nghĩa:

Lịch kịch = ý nói đi ra dáng nặng nhọc lắm.

Ngục tối = chỗ giam những người có tội nặng.

Lâu đài = nhà sang trọng to lớn.

Trang hoàng = bày biện sang trọng.

Ta về ta tắm... = câu ca dao ý nói ta về ở nhà ta, dầu cho nghèo hèn thế nào cũng hơn ở chỗ khác.

57. VÀO HÈ

(Thơ cổ)

Ai xui con cuộc gọi⁽¹⁾ vào hè.
Cái nóng nung⁽²⁾ người, nóng nóng ghê!
Ngõ trước, vườn sau um những cỏ.
Vàng phai, thắm⁽³⁾ nhạt⁽⁴⁾ ngán cho huê.
Đầu cành⁽⁵⁾ kiếm bạn, oanh xao xác.
Trong tôi đua bay, đóm lập lòe⁽⁶⁾
May được *nôm nam* cơn gió thổi.
Đàn⁽⁷⁾ ta, ta *gảy*⁽⁸⁾ khúc *Nam* nghe.

(1) quắc kêu.- (2) đốt.- (3) đỏ.- (4) lạt.- (5) nhành. – (6) lập lòe. – (7) đàn. – (8) khảy.

Đại ý:

Bài thơ này tả cái cảnh mùa hè: hai câu mở đầu nói mùa hè nóng nực lắm, tiếng cuộc kêu khắc khoải; bốn câu giữa nói hẳn vào bài: cây cối um tùm, hoa nhạt sắc gần tàn, oanh kêu xao xác, đóm sáng lập lòe. Hai câu cuối đóng bài nói mùa hè mà được cơn gió mát thổi thì lấy làm sung sướng lắm.

Giải nghĩa:

Vào hè = bắt đầu mùa hè, đối với *ra hè* là hết mùa hè.

Oanh = chim vàng anh.

Nôm nam = gió thổi hướng đông nam lại.

Gảy khúc Nam = đây nói bài đàn hát cổ về gió mát phương nam thổi.

58. COM MÈO VÀ CON CHUỘT

Một chú chuột ló đầu ra ngoài tổ⁽¹⁾, trông thấy một bác mèo chọt đi qua. Chú chuột đưa lời trách oán rằng: "Bác thật là độc ác! Họ nhà chúng tôi có dám *trêu* đầu đến các bác, mà sao các bác cứ rình đêm, rình ngày để bắt bớ chúng tôi. Bác phải biết ở đời ác nghiệt lắm có hay gì. Phải có chút lòng *nhân nghĩa* mới sung sướng được." Mèo bảo: "Ôi chao! Chú bé khôn ngoan lắm! Chú có nói, bây giờ tôi mới biết ở đời nhân nghĩa cần như thế! Tôi xin nghe lời chú. Từ rày tôi thề không dám *động chạm* đến họ hàng chuột nhà ta nữa. Chú ra đây, chú đừng sợ gì. Tôi đã có lòng yêu chú, thương chú lắm đấy."

Chuột nghe lấy làm *bùi tai*, liền chạy lại chơi với mèo, cái tình *giao kết* tưởng bắt đầu thân thiết ngay tự đây. Nào ngờ chuột vừa ra khỏi tổ, mèo nhảy ngay lại vồ lấy, cắn chết ăn thịt.

Đời nào mèo lại tha bắt chuột!

(1) ổ.

Giải nghĩa:

Trêu = gọi cái tức, chọc cái tức của người ta ra.

Nhân nghĩa = lòng công bằng và thương yêu người.

Động chạm = ý nói không dám làm hại chuột nữa.

Bùi tai = nghe cái gì lấy làm vui tai, vui bụng.

Giao kết = làm bạn bè với nhau.

59. MÙA THU NGỒI CÂU CÁ

(*Thơ cổ*)- Bài học thuộc lòng.

Ao thu lạnh lẽo nước *trong veo*,
Một chiếc thuyền câu bé tèo tèo.
Sóng biếc, theo *làn* hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ *đưa vèo*.
Tùng mây lơ lửng, trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co, khách vắng teo.
Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Yên Đỗ

Đại ý:

Bài này tả cái cảnh một ông già, đang ngồi trong chiếc thuyền con mà câu cá ở []* dưới ao. Trời xanh, nước biếc, lá vàng rụng, gió hiu hiu thổi là cái cảnh mùa thu; tựa gối, ôm cần, khách vắng là cái cảnh nhàn hạ.

Ghi chú ở []*:

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#), có chữ ở.

Giải nghĩa:

Trong veo = trong suốt.

Làn = gợn nước theo chiều gió đưa về một ngã nào.

Đưa vèo = lá rụng xuống mặt nước, gió thổi chạy nhanh như thuyền.

60. MỸ THUẬT

Mỹ thuật là những nghề người ta làm để phô trương cái đẹp ra. Nghề vẽ, nghề chạm, nghề làm nhà, nghề đàn⁽¹⁾ [đàn] sáo, nghề múa nhảy, nghề làm thơ, nghề diễn thuyết, là mỹ thuật cả.

Người ta nếu chỉ mong⁽²⁾ [mong] ăn cho đủ no, mặc⁽³⁾ [mặc] cho đủ ấm, thì đời người cũng tẻ⁽⁴⁾ lắm. Nhưng thường ngoài những cái *thiết dụng*, người ta lại còn thích cái đẹp, cái vui nữa. Cơm ăn đã vậy, nhưng có xới vào bát kiêu, có và bằng đũa mun, thì ăn mới ngon hơn. Áo quần mặc đã vậy, nhưng có điểm thêm bộ nhẫn⁽⁵⁾, cái vòng, đôi hoa (bông), thì người mới đẹp thêm ra. Nhà ở có đắp⁽⁶⁾, có chạm, có trần thiết trang hoàng, thì mới lịch sự. Vui tai, thì nghe tiếng đàn, tiếng hát; vui mắt, thì xem múa nhảy cùng các tranh vẽ; vui trí, thì ngâm vịnh văn thơ. Những cái vui tai, vui mắt, vui trí, sinh ra các mỹ thuật. Vậy các mỹ thuật cũng có ích, chứ không phải là vô dụng, mỹ thuật làm cho đời người thêm sung sướng, thêm *cao thượng*.

(1) đờn []. – (2) trông []. – (3) bận []. – (4) lạt .- (5) cà rá. – (6) khuôn tô.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#).

Giải nghĩa:

Thiệt dụng = cần dùng, không có không được.

Cao thượng = chuộng những thú thanh cao.

61. BUÔN BÁN PHẢI THẬT THÀ

(Ca dao)- Bài học thuộc lòng.

Tin nhau buôn bán cùng nhau,
Thiệt, hơn, hơn thiệt trước sau như nhờ⁽¹⁾.
Hay gì lừa đảo kiếm lời,
Một nhà ăn uống, tội trời riêng mang.
Theo chi những thói gian tham,
Pha phôi thật giả, tìm đường dối nhau.
Của phi nghĩa có giàu đâu,
Ở cho ngay thật, giàu sau mới bền.

(1) lời.

Giải nghĩa:

Pha phôi = lẫn lộn, điên đảo.

Của phi nghĩa = của lấy không hợp với lẽ công bằng.

62. HAI ANH EM

Hai anh em một nhà, nhưng tâm tính khác nhau. Em thì muốn *yên phận thủ thường*, anh thì lại chỉ thích công danh *phú quý*.

Khi cha mất được ít lâu, anh bèn thu thập⁽¹⁾ tiền nong đem ngay ra tỉnh, để lo chút phẩm hàm. Đợi mãi gặp dịp, anh mới lo được chút [I]cửu phẩm văn giai. Anh lấy làm tự tôn tự trọng, bèn trở về quê cũ, áo sa, nón giựa, rõ ra dáng ông Cử lắm, để sắp sửa ăn khao (ăn mừng) cả hàng xã.

Anh về nhà, thấy em đang côi trần, xúc thóc⁽²⁾ đổ vào vựa, thì lấy làm thẹn thò mà bảo rằng: "Chú làm ăn, tôi coi hèn hạ lắm. Sao chú không theo tôi kiếm lấy chút phẩm hàm, lại cứ đành giữ cái tiếng *bạch đình* người ta chê cười ấy?"

Em đáp: "Em cũng biết ở chốn hương thôn, có chút phẩm hàm, thì vẻ vang thật⁽³⁾. Nhưng em thiết nghĩ phải tốn bao nhiêu công của, mất bao nhiêu ngày giờ, lại còn vào luồn ra cúi, khốn khổ đến thế nào, mới mua được chút công danh hão⁽⁴⁾, thì em đây thật không muốn. Cái chí của em chỉ muốn nối lấy nghiệp cũ của ông cha cho xứng đáng; làm ăn tuy có phần vất vả⁽⁵⁾, nhưng trong bụng lúc nào cũng được thông thả, vui vẻ, không phải lo lắng, luồn lụy⁽⁶⁾ ai sót cả⁽⁷⁾."

(1) thâu thập. – (2) lúa. – (3) rõ ràng thiệt. – (4) vô dụng. – (5) cực khổ. – (6) chịu lụy. – (7) hết thảy.

Giải nghĩa:

Yên phận thủ thường = được làm sao bằng lòng như vậy, giữ lấy mực thường.

Phú quý = giàu sang.

Cửu phẩm văn giai = bậc thứ chín (bậc cuối cùng) trong phẩm trật các quan văn.

Bạch đình = chân trắng, những người ở trong làng không có phẩm tước ngời thứ gì.

63. ÔNG TÔ HIẾN THÀNH

Ông làm quan về cuối đời nhà Lý. Tính người trầm trọng, cẩn thận, *tài kiêm văn võ*. Làm tướng đi đánh giặc, thì thương yêu *sĩ tốt*, bênh vực dân sự, đánh đâu được đấy, quân giặc nghe tiếng đều phải kinh sợ. Làm quan, thì lo sửa sang việc chính trị, mở mang sự học hành, trừ bỏ những kẻ gian nịnh. Bao giờ ông cũng quên mình mà lo việc nước.

Khi vua mất, ông làm phụ chính giúp *tự quân* hãy còn thơ ấu. Bấy giờ có một bà Thái hậu muốn bỏ tự quân mà lập con mình, cho người đem vàng bạc đúc lốt cho ông. Ông nhất định không nghe, cứ một niềm giữ lòng trung thành, hết sức giúp *ấu chúa*, theo lời dặn của *tiên quân*.

Đến khi ông phải bệnh nặng, có người Võ Tán Đường đem ngày châu chực hầu hạ, có ý muốn được ông cử mình lên thay. Nhưng đến khi bà Hoàng Thái hậu đến thăm, hỏi ai có thể thay được ông. Ông cử quan đại phu Trần Trung Tá. Bà Thái hậu *ngạc nhiên* hỏi sao ông không cử Võ Tán Đường? - Ông tâu rằng: "Nếu ngài hỏi người hầu hạ, thì tôi xin cử Võ Tán Đường, nhưng hỏi người giúp nước, thì xin cử Trần Trung Tá."

Ông trung thành như thế, và lại tài giỏi hơn người, cho nên đời sau ai cũng kính phục và thường ví ông với ông Gia Cát Lượng bên Tàu.

Giải nghĩa:

Tài kiêm văn võ = có tài gồm cả văn võ.

Sĩ tốt = quân lính.

Tự quân = ông vua lên nối ngôi.

Ấu chúa = vua còn trẻ tuổi.

Tiên quân = vua đã mất rồi.

Ngạc nhiên = lấy làm lạ.

64. THƠ THĂNG MỠ (anh seo, xâu)

(Thơ cổ) - Bài học thuộc lòng.

Mỡ này cả tiếng lại dài hơi,
Mã cán ra tay chẳng phải chơi.
Mộc đặc vang lừng trong mấy cối,
Kim thanh chuyển động khắp đôi nơi.
Trẻ già chôn chôn đều nghe hiệu,
Làng nước ai ai cũng *cứ lời*.
Thứ bậc dưới, trên, quyền cát đặt,
Một mình một chiếu thành thoi ngời.

Đại ý:

Thăng mỡ là người đê hạ nhất trong làng, tuy vậy, có tiếng mỡ rao khắp các thôn xóm, thì các người trong làng mới biết việc mà hội họp nhau lại. Bài thơ này khéo về lúc tả những cái rất hèn hạ mà chuyển thành những cái rất tôn trọng.

Giải nghĩa:

Mẫn cán = nhanh nhẹn và chăm chỉ.

Mộc đặc = mỡ gỗ.

Kim thanh = tiếng kêu vang.

Cứ lời = theo như lời mỡ đã rao.

65. THƠ CÁI CHỖI

(Thơ cổ) - Bài học thuộc lòng.

Lời chúa vâng truyền xuống *ngọc giai*,
Cho làm lệnh tướng quét *trần ai*.
Một tay vung vẩy trời tung gió,
Bốn cõi *tung hoành* đất sạch gai.
Ngày vắng rủ mây cung bắc Hán,
Đêm thanh dựa nguyệt chôn lâu đài.
Ôm lòng gốc rễ lâu càng giải,
Mòn mỗi lung còn một cái đài.

Đại ý:

Bài này tả một cái chổi quét bụi bản khắp mọi nơi, quét sạch rồi thành thoi nghỉ một chỗ, và cứ quét mãi đến cùn, mòn hết cả mà không quản ngại. Nhưng tuy là cái chổi, mà rõ ra khí tượng một người anh hùng trí dũng, lúc tiến thì ngang dọc đông tây, lúc thoái thì thành thoi đài các, bao giờ cũng hết một lòng vì vua vì nước.

Giải nghĩa:

Ngọc giai = thêm ngọc, chỉ thêm nhà vua chúa.

Trần ai = bụi bặm, chỉ khoảng thế gian.

Tung hoành = dọc ngang, ý nói quét ngang, quét dọc đủ các chiều.

Ngày vắng rủ mây cung bắc Hán = câu này nói ban ngày cái chổi để thành thoi một chỗ.

Ôm lòng gốc rễ lâu càng giải = câu này ý nói cái chổi quét mãi, mỗi ngày một cùn, còn tro cái gốc ở bên trên ra.

66. ĐÒI NGƯỜI

Một người đương đi ở trên núi. Đến một nơi, có hòn đá lăn ra hết cả lối đi, không len chân vào đâu mà bước qua được nữa.

Người ấy cố hết sức đẩy hòn đá, nhưng hòn đá nặng lắm, đẩy làm sao cho *xuê*. Đành chịu bó tay ngồi một chỗ mà lo nghĩ: "Nếu ta cứ phải ở đây, trời tối đến, cơm nước không có, chỗ nằm cũng không, hùm beo ra nó vồ mất thì còn gì là *tính mạng*!"

Khi người ấy đương nghĩ thế, có một người khác cũng muốn đi qua đây, hết sức đẩy hòn đá, nhưng hòn đá cũng *chăng chuyển*.

Sau, năm bảy người nữa đến, người nào cũng chực đẩy hòn đá để lấy lối đi, nhưng hòn đá vẫn *trơ trơ chẳng ai lay chuyển* được. Bấy giờ có một người gọi cả bao nhiêu người kia lại mà bảo rằng:

"Anh em ta thử *hợp*⁽¹⁾ sức nhau vào cùng đẩy hòn đá này xem sao."

Bấy nhiêu người đều *ùa*⁽²⁾ nhau vào đẩy, thì hòn đá lăn ra bên đường và bấy giờ mới có lối đi, ai về nhà người nấy.

Ấy cái cuộc *đòi* người cũng như thế. Người đi đường ấy tức là người ta, sự đi đường tức là *đòi* người, hòn đá tức là những chuyện khó khăn ở đời. *Thả sức* ra, một người không

làm được gì cả, có hợp sức nhau lại mới làm nên công kia việc nọ.

(1) hiệp. - (2) hòa.

Giải nghĩa:

Xuể = đủ sức, đủ tài làm một cái gì.

Tính mạng = cũng nghĩa như đời.

Thả sức = dùng hết sức để làm một việc gì.

67. ÔNG NGUYỄN VĂN HIẾU

Ông Nguyễn Văn Hiếu thuở nhỏ nhà nghèo, đi làm mướn, cắt cỏ cho người ta để kiếm ăn. Sau theo ông Võ Tánh ra giúp vua Gia Long đi đánh giặc, lập được nhiều công. Khi việc đánh dẹp xong rồi, vua sai ông ra làm *trấn thủ* ở Bắc kỳ.

Ông làm quan rất là thanh liêm, không lấy gì của ai bao giờ. Ông lại nghiêm cấm những người nhà không cho giao thông với người ngoài. Mồng năm ngày tết, ai cho gì cũng không lấy. Ông làm quan to mà nhà []* vẫn nghèo, lương bổng chỉ đủ ăn, chớ không thừa chút nào. Bà vợ thường hay phàn nàn vì nổi nhà nghèo. Ông cười mà nói rằng: "Bà không nhớ khi ta phải đi cắt cỏ thuê, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc hay sao? Nay được như thế này, còn đòi gì nữa, mà lại muốn lấy của phi nghĩa để làm giàu ru?" Ông làm quan rất có nhân, và ngăn cấm bọn lại thuộc không cho quấy nhiễu nhân dân, bởi vậy ông ở đâu, dân sự cũng yêu mến lắm. Khi ông làm *trấn thủ* Nghệ An, một hôm cùng với các quan *đồng liêu* tra án bọn ăn cướp, có đứa đã chịu thú tội rồi, mà các quan còn có ông muốn tra tấn nữa. Ông nói rằng: "Chúng nó cùng khổ mới sinh ra làm bậy, nay đã *thú tội* rồi, thì cứ theo luật mà làm án, hà tất phải kim kẹp cho lắm làm gì?" Tính ông thật thà và cần mẫn, đối với người thì rất khoan hòa dễ dãi. Ông thật là một ông quan thuần lương, nghĩa là giỏi và liêm, xưa nay ít có vậy.

Ghi chú nhà []* = Xin click vào tên các sách có màu xanh nhạt dưới đây để có thể so sánh:

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện](#).

Giải nghĩa:

Trấn thủ = quan đời xưa, cũng như tuần phủ, tổng đốc bây giờ.

Đồng liêu = người cùng làm quan với nhau.

Thú tội = nhận tội.

68. ĐI CHỢ TÍNH TIỀN

(Ca dao)- Bài học thuộc lòng.

Một quan *tiền tốt* mang đi,
Nàng mua những gì mà tính chẳng ra.
Thoạt tiên mua ba tiền gà,
Tiền rưỡi gạo nếp với ba đồng trâu.
Trở lại mua sáu đồng cau,
Tiền rưỡi miếng thịt, giá rau mười đồng.

Có gì mà tính chẳng thông?
Tiền rưỡi gạo tẻ, sáu đồng chè tươi.
Ba mươi đồng rượu, chàng ơi,
Ba mươi đồng mật, hai mươi đồng vàng.
Hai chén nước mắt rõ ràng,
Hai bảy mươi bốn, kéo chàng hồ nghi.
Hai mươi một đồng bột nấu chè,
Mười đồng nải chuối, chẵn thì một quan.

Giải nghĩa:

Tiền tốt = tiền tiêu được.

Vàng = đồ làm bằng giấy để cúng rồi đốt đi.

Hồ nghi = ngờ vực, không biết rõ.

69. CHUYỆN LƯU BÌNH DƯƠNG LỄ

Lưu Bình và Dương Lễ là hai người bạn chơi với nhau từ thuở còn nhỏ, rất thân thiết. Dương Lễ nhà nghèo, Lưu Bình đem về nuôi, để cùng nhau đêm ngày đèn sách học tập. Dương Lễ chịu khó chăm⁽¹⁾ học, chẳng bao lâu thi đậu, được bổ đi làm quan. Lưu Bình thì cậy mình nhà giàu, hay chơi bời, cho nên thi mãi không đậu. Về sau lại bị giặc giã cướp phá, nhà cửa *sa sút*, lúc ấy muốn học, cũng không có tiền mà ăn học nữa, mới tìm đến chỗ Dương Lễ ở, để mong nhờ bạn cũ.

Dương Lễ từ khi đi làm quan, vẫn có lòng nhớ Lưu Bình; khi được tin bạn đến, trong bụng đã mừng, nhưng lại nghĩ rằng: bạn ta hay chơi bời cho nên bây giờ mới khổ. Nếu ta đưa về nuôi, rồi lại sinh lười biếng, thì bao giờ cho *thành thân* được. Bèn giả làm mặt giận mà nói rằng: "Người làm quan không có bạn bè với người đói khổ", rồi sai lính đuổi đi. Lưu Bình tức giận ra về.

Dương Lễ vào bảo Châu Long đi nuôi bạn thay mình. Châu Long vâng lời, đem tiền của đi, giả làm người buôn bán, đưa Lưu Bình về nuôi cho ăn học. Trong ba năm, Lưu Bình cố gắng hết sức. Đến khi thi đậu, định đến nhà Dương Lễ để trách mắng, Dương Lễ cho Châu Long ra chào. Bây giờ Lưu Bình mới biết là người bạn đã hết lòng với mình. Từ đó, hai người lại thân thiết hơn trước.

(1) siêng.

Giải nghĩa:

Sa sút = suy đồi, nghèo ngặt, không như trước.

Thành thân = làm nên danh phận.

70. CHÍ LÀM TRAI

(Ca dao)- Bài học thuộc lòng.

Làm trai quyết chí *tu thân*,
Công danh chớ vội, nợ nần chớ lo.
Khi nên trời giúp công cho,
Làm trai năm liệ, bảy lo mới hào.
Trời sinh, trời chẳng phụ nào,

*Phong vân gặp hội, anh hào ra tay.
Trí khôn sắp để dạ này,
Có công mài sắt, có ngày nên kim.*

Giải nghĩa:

Tu thân = tu là sửa, thân là mình; sửa mình cho có đức hạnh.

Công danh = công là sự nghiệp mình làm ra, danh là tiếng tốt.

Hào = giỏi.

Phong vân gặp hội = nghĩa đen là nói gặp lúc gió mây. Người tài giỏi ví như con rồng, hễ có gió mây, thì bay bổng lên trời. Nghĩa bóng là được lúc hiển đạt.

71. CẦN PHẢI GIỮ TÍNH HẠNH CỦA MÌNH

Khi ông Trương Cán mới thi đậu, có vào *yết kiến* ông Vương Đình Tướng là một bậc danh sĩ đời bấy giờ. Ông Vương Đình Tướng bảo rằng: "Hôm trước, trời vừa mưa xong, tôi đi ra phố, có trông⁽¹⁾ thấy một người đi đôi giày mới, đi từ phố này đến phố kia, *rón rén* tìm lối mà bước, chỉ sợ lấm giày; sau quanh vào trong thành, bùn lầy nhiều quá, người ấy lỡ chân dẫm phải đồng bùn, từ bấy giờ cứ bước tràn đi, chẳng tiếc gì đến đôi giày nữa. Xem thế mới biết người ta nên giữ gìn tính hạnh ngay từ lúc đầu, nếu đã lỡ một lần, thì dần dần⁽²⁾ thành ra người cần dờ⁽³⁾". Ông Trương Cán nghe lời dạy ấy, lấy làm cảm phục, mà tôn làm thầy.

Ta nay đi học, cũng nên lấy điều ấy làm răn. Dẫu việc nhỏ mọn thế nào, ta cũng phải cẩn thận giữ gìn, nếu không thì chỉ có lần đầu là khó, rồi hễ đã quen một lần là quen mãi. Bởi thế cho nên *cổ nhân* lấy sự giữ mình làm cẩn trọng lắm.

(1) ngó. – (2) lần lần. – (3) quấy quấy.

Giải nghĩa:

Yết kiến = nói kẻ dưới đến thăm bậc trên.

Rón rén = sẽ đi, đi giữ gìn từng bước một.

Cổ nhân = người đời xưa.

72. THÁC KHÔNE

Sông Cửu Long chảy đến Khê thuộc về Hạ Lào, thì có nhiều thác cao tới mười lăm, mười sáu thước và dài đến hàng nghìn⁽¹⁾ thước. Khúc sông ở phía trên thác₂ [] thì hẹp lại rồi chảy tràn một vùng có đá *lổm chổm* và rộng tới bốn năm dặm. Phong cảnh chỗ ấy thật⁽²⁾ là *hùng vĩ thanh tú*. Dưới sông nước chảy âm âm nghe như tiếng sấm; trên núi "cỏ cây chen đá, lá chen hoa". Giữa thác, đàn cá vẩy vùng; xa xa chim trời lênh bênh⁽³⁾ theo dòng nước chảy. Thác Khê thật là một nơi *tiểu sơn lâm* mà có *đại kỳ quan* vậy.

(1) ngàn. – (2) thiết. – (3) linh binh.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viên](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

Giải nghĩa:

Lổm chổm = lở nhỏ nhiều lắm.

Dặm = dặm tây là bốn nghìn thước tây.

Hùng vĩ = to lớn.

Thanh tú = đẹp đẽ.

Tiểu sơn lâm = một khu rừng nhỏ.

Đại kỳ quan = một nơi có phong cảnh rất lạ.

73. XỨ CAO MÊN

Đi vào *Biển Hồ* và *chùa Đế Thiên Đế Thích*, thì phải theo ngược dòng sông Tonlé Sap là một nhánh sông Cửu Long.

Tonlé Sap có nhiều cảnh lạ, người đi qua nhìn không bao giờ chán mắt. Hai bên bờ, thì cây cối um tùm⁽¹⁾. Chỗ này *lác đác* mấy cái nhà sàn, cheo leo trên mặt nước; chỗ kia *tịch tịch* một cái lảng, một ngọn tháp hay một cảnh chùa, điểm một vị sư mặc cà sa vàng, đang *trầm tư mặc tưởng*. Thỉnh thoảng những chỗ thừa (sua) cây, lại có một pho tượng thật lớn mím⁽²⁾ cười mà nhìn xuống *cõi tục*, tựa hồ như nhìn người đời xô đẩy nhau trong vòng danh lợi.

Nhưng sông Tonlé Sap có cái cảnh lạ hơn cả, là thường dòng nước ở trong *Biển Hồ* chảy ra, mà đến mùa mưa, nước sông Cửu Long lên to thì dòng nước lại ở ngoài sông chảy lại.

(1) um sùm. – (2) chồm chồm.

Giải nghĩa:

Biển Hồ = hồ lớn như ở Cao Mên.

Chùa Đế Thiên Đế Thích = chùa cổ nhất ở Cao Mên.

Lác đác = rải rác một vài cái.

Tịch tịch = yên lặng.

Trầm tư mặc tưởng = ngẫm nghĩ về những điều cao xa.

Cõi tục = thế giới ta ở.

74. XỨ CAO MÊN (bài nói)

Đến mùa dòng nước chảy lại như vậy, thì các miền xung quanh *Biển Hồ* lại ngập cả.

Nước lên đem *đất phù sa* vào làm cho ruộng đất tốt thêm, cá theo nước vào hồ, có hàng ức triệu con, để nhân dân chài lưới mà *sinh nhai*. Dân Cao Mên giàu về nghề đánh cá.

Nước tràn vào cả các khu rừng gần hồ, mênh mông như biển, ngập cả cây cối.

Mùa ấy gọi là "mùa cá lên ngàn". Trong khi ấy thì không gì thú bằng một con⁽¹⁾ thuyền *đứng đình* dạo chơi trên mặt nước.

Hằng⁽²⁾ năm, cứ đến mùa nước xuống, thì dân Cao Mên mở hội rất trọng thể. Lúc ấy có vua ngự ra cùng với các quan và dân sự đi thuyền theo không biết cơ man nào mà kể. Đợi lúc bước xuống, thì thuyền bơi đến chỗ có cái dây chằng ngang qua sông. Vua làm lễ cảm thanh bảo kiếm chém đứt cái dây ấy, ngụ ý mở đường cho nước xuống để dân sự cày cấy làm ăn.

(1) chiếc. – (2) mỗi.

Giải nghĩa:

Đất phù sa = đất sông bồi lên.

Sinh nhai = kiếm ăn.

Đùng đĩnh = ung dung, thông thả.

75. THÀNH NAM VANG

Nam vang là *kinh đô* nước Cao Mên. Xưa, đây là một khu đất bỏ hoang, chỉ những cây cỏ gai góc, ao đầm ẩm ướt, thế mà bây giờ hóa ra một chốn thành thị đông đúc, phố xá rộng rãi, lâu đài đẹp đẽ.

Buổi đầu, Nhà nước đào sông khơi ngòi để lấy đất lấp những hồ ao và làm cầu cống để cho tiện đường đi lại. Hai bên bờ sông dần dần⁽¹⁾ các *dinh thự* nổi lên. Người bản xứ, người Khách thấy thế cũng theo mà làm nhà cửa rộng rãi, cao ráo, đẹp đẽ. Hiện nay Nam Vang là một chốn *đô hội* lớn và đẹp.

(1) lần lần.

Giải nghĩa:

Kinh đô = chỗ vua đóng.

Dinh thự = sở làm việc công.

Đô hội = thành thị to, đông người ở.

76. HUẾ

Ở Huế, thì chỉ có thành trì và *lăng tẩm* là đẹp hơn cả. Thành thì xây bằng gạch, thật cao, ở xung quanh thì có hào sâu và rộng. Trong thành, chính giữa thì có Hoàng thành, là chỗ cung điện nhà vua; ở bên cạnh thì có các bộ và các viện. Vào Hoàng thành thì đi qua cửa Ngọ môn và những con đường rộng lát gạch, hai bên có hồ sen rồi mới đến sân rồng, trước điện Thái hòa là chỗ khì [] có thiết đại trào thì vua ngự.

Các lăng thì ở trong những khu rừng gần kinh đô. Có lăng Gia Long, lăng Minh Mạng, lăng Thiệu Trị và lăng Tự Đức là đẹp hơn cả. Ở đây thì có đường rộng, bệ cao, có đền đài, hồ ao, có cây cổ thụ⁽¹⁾, có hoa bốn mùa. Lăng tẩm là một nơi *hùng vĩ* đẹp đẽ mà lại có vẻ *tịch mịch* vô cùng.

(1) cổ thụ.

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viên](#) in khác với [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#).

[QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công](#) in giống như [QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học](#).

Giải nghĩa:

Lăng tẩm = mộ các đế vương.

Hùng vĩ = mạnh mẽ.

Tịch mịch = yên lặng.

77. TẾ NAM GIAO

Kể các sự tế tự của ta thì tế Nam giao là trọng thể hơn cả. Tế Nam giao là tế Trời, Đất, cứ ba năm một kỳ, vua ra chủ trì. Khi vua ra tế, thì đội *mũ miện*, mặc áo *long cổn* và đi hia. Còn các quan thì mũ áo chỉnh tề, đứng hai bên, quan văn bên tả, quan võ bên hữu. Lúc tế có âm nhạc ca vũ và có voi ngựa, quân lính dàn khắp ở ngoài rất nghiêm trang. Cách bài trí, cách tế lễ thật là kính cẩn, tôn nghiêm.

Ai đã được xem tế Nam giao, đã được trong thấy cái cảnh tượng ban đêm đèn đuốc sáng choang, trên bàn thờ khói hương nghi ngút, dưới bao nhiêu người *chủ tâm* về sự lễ bái

như thế, thì ai ai cũng phải sinh lòng cung kính.

Giải nghĩa:

Mũ miện = mũ ở trên đỉnh phẳng và có mười hai tua tỏa xuống để vua đội lúc ra tế Nam giao.

Áo long cốn = áo thêu rồng của vua mặc.

Chủ tâm = để tâm để chí vào một việc gì.

78. HỒ HOÀN KIẾM

Trong thành phố Hà Nội có một cái hồ gọi là hồ Hoàn Kiếm. *Tục truyền* rằng một hôm, vua Lê Thái Tổ ngự ra câu cá ở bờ hồ, chỗ gần *Sở Đốc lý* bây giờ, bỗng có một con rùa thật lớn nổi lên trên mặt nước. Vua lấy thanh bảo kiếm ném con rùa, thì nó lặn xuống, rồi nó đem thanh kiếm lên trả vua. Bởi thế mới đặt tên là Hoàn Kiếm.

Ở giữa hồ, về phía tây, có đền Ngọc sơn. Đi vào đền thì phải qua một cái cầu. Đền ngoài thì thờ đức Văn Xương, đền trong thì thờ đức Quan Đế. Đền trước đền, xa xa về phía tay phải (mặt) thì có một cái gò (còn), ở trên xây một cái tháp gọi là Tháp Rùa.

Xung quanh hồ thì có đường đi sạch sẽ, hai bên có cây cao bóng mát. Chiều đến, thì bờ hồ đông như hội, vì là một nơi mát mẻ nhất trong thành phố. Thật là:

*" Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm."*

Giải nghĩa:

Tục truyền = lời miệng truyền lại, không có bằng chứng gì làm đích thực.

Sở Đốc lý = sở cai trị thành phố.

79. SÀI GÒN

Trước khi người Pháp sang bên ta, Sài Gòn là một nơi có nhiều ao đầm *kênh rạch* bùn lầy *ẩm thấp*. Thế mà bây giờ thành ra một nơi đô hội rất đẹp ở nước ta. Người ngoại quốc đã cho là "một hạt *trân châu* ở Viễn Đông" này. Mà thật thế, bây giờ ở Sài Gòn có nhiều lâu đài tráng lệ, nhà cửa đẹp đẽ, phố xá rộng rãi, vườn tược mát mẻ, nước máy trong sạch, đèn điện sáng choang, nhân dân đông đúc, kể có hơn tám vạn người, buôn bán phồn thịnh⁽¹⁾, tàu bè qua lại tấp nập⁽²⁾ cả năm. Đứng trên cao trông⁽³⁾ xuống, thành phố Sài Gòn chẳng khác nào một khu vườn rộng mông mênh, một màu xanh biếc, lô nhô nổi lên trên ngọn cây những nhà cao lớn, tựa hồ như muốn ganh đua với cỏ cây mà chiếm lấy một chỗ ở trên cao vậy.

(1) thanh. – (2) rộn rục. – (3) ngó.

Giải nghĩa:

Kênh rạch = sông ngòi.

Ẩm thấp = ướt áp, không được khô ráo.

Trân châu = ngọc trai. Đây ví Sài Gòn đẹp như hòn ngọc trai.

80. CHỢ LỚN

Ở Nam Việt *đất xốp* và hay lún. Người ta vận tải những đồ vật nặng có phần khó khăn và nhất là làm đường xe lửa lại càng khó lắm. Cho nên sự giao thông và vận tải đều đi

đường thủy cả.

Ở gần Sài Gòn, hai bên bờ Rạch Ông, người đi kẻ lại *tấp nập* lạ thường. Trên phía bắc là chỗ tàu thủy đậu, hàng hóa chong chát *ngổn ngang*. Dưới phía nam là nơi ghe mành⁽¹⁾ đậu liên tiếp với nhau, dài kể đến một ngàn thước tây, cột buồm lô nhô chen chúc thật là nhiều. Đi quá chỗ ấy rồi cứ theo rạch Ông quanh co ở miền đồng điền, một lát, thì đến những nơi có làng xóm sầm uất⁽²⁾. Đi khỏi đó thì trông thấy Chợ Lớn. Ở Chợ Lớn thì nhan nhản những nhà cửa cao lớn, người đi lại đông đúc như kiến, trên bờ, dưới bến *xôn xao* nhộn nhịp, mà phần nhiều là khách trú cả.

(1) bầu. – (2) đông đảo.

Giải nghĩa:

Đất xộp = đất không chắc.

Tấp nập = nhộn nhịp.

Ngổn ngang = bừa bãi, không có thứ tự.

Xôn xao = ồn ào những tiếng người.

81. CÁCH GIAO THÔNG

Trong một nước, cách giao thông có tiện lợi, nghĩa là hàng hóa vận tải có dễ dàng thì kỹ nghệ, thương mại mới phát đạt được. Ở xứ ta từ khi người Pháp(1) sang đến giờ, đường sá mở thêm ra nhiều, sửa sang sạch sẽ hơn trước. Lại thêm ra nhiều cách vận tải, như: tàu thủy, xe lửa, xe điện, xe hơi và đặt dây thép, dây nói ngầm dưới bể, để thông tin tức đi các nơi cho tiện và mau. Lại có máy bay có thể chở được cả hành khách và thư từ, và vô tuyến điện để thông tin đi các nơi thật nhanh nhẹn(2), thật tiện lợi, nhất là cho các tàu đi ngoài biển. Nhờ có vô tuyến điện cho nên nhiều khi tàu bị nạn ở giữa biển có thể báo tin để cầu cứu được.

(1) Lang sa. – (2) lanh lẹ.

Giải nghĩa:

Giao thông = sự đi lại, vận tải.

Kỹ nghệ = nghề chế tạo ra các đồ dùng.

Vô tuyến điện = cách thông tin trên không, không cần phải dây.

82. MỘT TÂM LÒNG TỪ THIỆN

Bà phước Félicienne sang Việt Nam năm 1888, coi ở nhà thương Sóc [Sóc] Trăng, đến năm 1923 thì mất.

Trong ba mươi lăm năm trời, bà đem tấm lòng từ thiện mà yên ủi biết bao nhiêu người yếu đau khổ sở. Bao giờ bà cũng tận tâm kiệt lực làm việc bỗ phận, không nghĩ gì đến công lao khó nhọc. Kể già người yếu, trẻ mồ côi, người tàn tật, ai đã được bà trông nom cho, đều hàm ơn bà cả.

Sau, vì bà trông nom(1) nuôi nấng những người có bệnh phong(2), cho nên bà mắc phải bệnh ấy mà chết. Bà đem bao nhiêu tâm trí vào việc làm phúc, quên cả tính mạng để cứu giúp kẻ khốn cùng.

(1) săn sóc. – (2) cùi.

QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện in khác với QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công.
QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công in giống như QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học.

Giải nghĩa:

Bà phước = đàn bà đi tu bên đạo Thiên chúa, làm phúc ở các nhà thương.

Từ thiện = có lòng thương yêu người.

Tận tâm kiệt lực = hết lòng hết sức.

83. MỘT TẤM LÒNG TỪ THIỆN (tiếp theo)

Lễ cất đám bà phước Félicienne làm tại Sóc [Sóc] Trăng ngày hai mươi ba tháng tám năm 1923. Các thân hào Pháp Việt trong bản(1) hạt, các đại biểu những tỉnh Nam Kỳ và cả những người đã chịu ơn bà trong bấy nhiêu năm, đều đi đưa đám rất đông.*

Có một đội lính tập đi hộ tang. Đáng lẽ có một ông quan to thay mặt Nhà nước đọc bài điều tang để kể công đức bà đã vì hết lòng giúp người mà chết. Song vì khi lâm chung bà có trời lại rằng lễ tổng táng làm cho giản dị đơn sơ, nên lúc hạ huyệt không có bài điều tang.

Tuy vậy, mà lễ cất đám bà rất là long trọng, vì người đi đưa thật đông mà ai ai cũng lấy làm cảm động và thương tiếc bà lắm.

(1) bốn.

Ghi chú * = Xin click vào tên các sách có màu xanh nhạt dưới đây để có thể so sánh:

QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện in khác với QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học.

QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công in khác với QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-NXB Văn Học và khác với QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Thư Viện.

QVGKT-Lớp Sơ Đẳng-Gò Công in đoạn văn * trên như sau: “Lễ cất đám bà phước Félicienne làm tại Sóc Trăng ngày hai mươi ba tháng tám năm 1923, các thân hào nhân sĩ và những người đã chịu ơn bà trong bấy nhiêu năm, đều đi đưa đám rất đông”.

Giải nghĩa:

Thân hào = những người giàu sang trong hạt.

Đại biểu = người thay mặt.

Điều tang = bài văn viếng.

Lâm chung = lúc hấp hối, sắp chết.

Hạ huyệt = để xuống hố.

84. CÁCH SỬA MÌNH

Ông Trình tử xưa để hai cái lọ(1) ở bên cạnh chỗ ngồi. Mỗi khi trong bụng nghĩ một điều gì thiện, thì ông bỏ một hạt đậu trắng vào trong một lọ. Mỗi khi nghĩ một điều gì ác, thì ông lại bỏ một hạt đậu đen vào cái lọ kia. Lúc đầu, đậu đen nhiều, đậu trắng ít. Sau đậu trắng nhiều, đậu đen ít, dần dần đến không còn một hạt đậu đen nào. Về sau, không cần phải bỏ đậu trắng nữa, tâm tính bấy giờ thuần nhiên toàn thiện.

Vì ông Trình tử biết sửa tâm rèn tính như thế mới thành được người hiền triết. Vậy ta nên lấy đó làm gương mà sửa mình. Trong sách có câu: "Từ đáng thiên tử cho đến kẻ thứ

nhân ai ai cũng phải lấy sự tu thân làm gốc." Vậy người ta bất cứ làm gì cũng phải cố(2) mà sửa mình cho nên con người có phẩm hạnh.

(1) chình. – (2) ráng.

Giải nghĩa:

Trình tử = đây là ông Trình Y Xuyên, em ông Trình Hiệu đời nhà Tống.

Toàn thiên = ý nói nghĩ làm cái gì đều hiền lành tử tế cả.

Hiền triết = bậc có đạo đức cao và học hành rộng.

Thiên tử = (con trời) nghĩa là vua.

Thứ nhân = người thường dân.

Tu thân = sửa mình.